

**Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang**

**Sách Giáo Khoa  
Việt Ngữ Cấp 4**

**Ấn bản 7.0 1983-2008**

**Họ và tên học sinh** \_\_\_\_\_

**Lớp** \_\_\_\_\_ **Khóa** \_\_\_\_\_

**Thầy/Cô phụ trách** \_\_\_\_\_

**Số phòng học** \_\_\_\_\_

***Nước chảy, đá mòn.***



Sách Cấp 4, ấn bản 7.0 1983-2008.  
Tài liệu giáo khoa  
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang - San Jose xuất bản.  
Tháng Chín, 2008.

Liên lạc, thư từ và ý kiến xin gởi về:

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang  
P.O. Box 32563  
San Jose, CA 95152

Điện thoại: (408) 486-7085  
E-mail: [Vanlangsj@vnet.org](mailto:Vanlangsj@vnet.org)  
Web site: <http://www.vnet.org/vanlangsj>

# MỤC LỤC

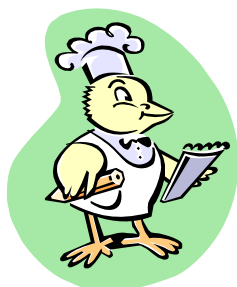
- Nội quy .....	v
- Lời mở đầu .....	vi
- Định nghĩa .....	vii
- Nguyên tắc viết chính tả .....	viii
- Chữ cái - Nguyên âm và phụ âm .....	xii

## Bài học

- Tiêu chuẩn cho học sinh Cấp 4 .....	1
- Bài Ôn Cấp 3 .....	2
- Bài 1: eo, êu, iu .....	5
- Bài 2: ec, oc, ôc .....	9
- Bài 3: ia, oa, oe .....	13
- Bài 4: học ôn .....	17
- Bài 5: oi, ôi, ơi .....	21
- Bài 6: om, ôm, ơm .....	25
- Bài 7: on, ôn, ơn .....	29
- Bài 8: học ôn .....	33
- Bài thi mẫu giữa khóa .....	37
- Bài 9: op, ôp, ơp .....	40
- Bài 10: ot, ôt, ơt .....	44
- Bài 11: ua, ưa, uc, ưc .....	48
- Bài 12: học ôn .....	52
- Bài 13: ui, ưi, uy .....	56
- Bài 14: um, un, uê .....	60
- Bài 15: up, ut, ưt .....	64
- Bài 16: học ôn .....	68
- Bản đồ Việt Nam .....	73
- Bài thi mẫu cuối khóa .....	74

## Bài làm ở nhà

- Bài làm ở nhà 1 .....	78
- Bài làm ở nhà 2 .....	82
- Bài làm ở nhà 3 .....	86
- Bài làm ở nhà 4 .....	90
- Bài làm ở nhà 5 .....	94
- Bài làm ở nhà 6 .....	98
- Bài làm ở nhà 7 .....	102
- Bài làm ở nhà 8 .....	106
- Bài làm ở nhà 9 .....	110
- Bài làm ở nhà 10 .....	114
- Bài làm ở nhà 11 .....	118
- Bài làm ở nhà 12 .....	122
- Bài làm ở nhà 13 .....	126
- Bài làm ở nhà 14 .....	130
- Bài làm ở nhà 15 .....	134
- Bài làm ở nhà 16 .....	138
- Việt sử đọc thêm .....	139
- Giải nghĩa tục ngữ .....	140
- Tài liệu tham khảo .....	142
- Quốc Ca .....	143
- Việt Nam Việt Nam .....	144
- Việt Nam Việt Nam .....	145
- Việt Nam Việt Nam .....	145
- Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghề .....	146





# ĐOÀN THANH NIÊN THIỆN NGUYỆN VIỆT NAM TRUNG TÂM VIỆT NGỮ VĂN LANG SAN JOSE

P.O. BOX 32563 San Jose, CA 95152 • Điện thoại: (408) 486-7085 • Email: admin@vanlangsj.org • http://www.vanlangsj.org

## N"1 QUY DÀNH CHO HỌC SINH VÀ PHỤ HUYNH THU" C TRUNG TÂM VIỆT NGỮ VĂN LANG SAN JOSE

- 1- **Học sinh phải đi học đúng giờ và liên tục**, học sinh đến lớp trễ quá 15 phút, phải có phụ huynh đích thân dẫn tới văn phòng gặp Ban trật tự để nhận giấy phép vào lớp.
- 2- **Học sinh nghỉ học**, phụ huynh phải xin phép trước với Thầy, Cô giáo, gọi vào điện thoại Trung Tâm hoặc đến gặp Ban trật tự trình bày lý do nghỉ học vừa qua. Học sinh nghỉ liên tiếp 3 lần mà không có lý do chính đáng, không xin phép cũng như không có phụ huynh đích thân dẫn tới gặp Ban trật tự thì coi như tự ý thôi học.
- 3- **Học sinh bắt buộc phải mặc đồng phục** (áo trắng có phù hiệu Văn Lang). Học sinh không được về sớm quá 3 lần trong một khoá học. Ban trật tự sẽ không giải quyết cho học sinh xin về sớm sau 11 giờ trưa. (trừ trường hợp khẩn cấp).
- 4- **Học sinh phải giữ kỷ luật trong lớp**, lễ phép với Thầy, Cô, tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Thầy, Cô và hòa nhã với bè bạn. Học sinh vi phạm kỷ luật và tỏ ra thiếu lễ độ sẽ bị cảnh cáo, nếu còn tái phạm sẽ không được tiếp tục theo học tại Trung Tâm.
- 5- **Học sinh phải tham dự đầy đủ các kỳ thi trong khóa học** (nếu không tham dự đầy đủ các kỳ thi sẽ đương nhiên ở lại lớp. Các trường hợp xin thi trước hoặc sau đều không được chấp nhận). Học sinh phải hoàn tất những bài tập do Thầy, Cô đã cho và nộp lại đúng kỳ hạn. Học sinh vắng mặt 3 lần dù có lý do chính đáng cũng không được lên lớp trong khóa tới.
- 6- **Học sinh phải giữ vệ sinh chung của trường và lớp học**, tuyệt đối không được di chuyển, lấy cắp đồ đạc, sách vở cũng như trợ huấn cụ của lớp học (mọi sự thất thoát có bằng chứng phụ huynh phải chịu trách nhiệm hoàn trả theo trị giá của từng món và học sinh sẽ không được tiếp tục theo học).
- 7- **Mang Vũ khí**, học sinh tuyệt đối không được mang vào lớp học hay khuôn viên nhà trường các vật dụng bén nhọn, chất nổ, ma túy cũng như vũ khí (Ban điều hành có trách nhiệm báo cáo với sở cảnh sát mà không cần thông báo cho phụ huynh).
- 8- **Đưa Đón Học sinh**, để an toàn tuyệt đối cho chính con em mình, phụ huynh phải đón con em đúng giờ. (Và chỉ đưa đón con em mình trong khuôn viên nhà trường) tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Ban trật tự về vấn đề giao thông lúc đưa cũng như lúc đón, xin hoà nhã với người hướng dẫn. Mọi ý kiến, xin liên lạc cùng Ban điều hành để được giải quyết.
- 9- Phụ huynh không được theo con em vào lớp học nếu không có sự đồng ý của Ban điều hành. Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose có mọi thẩm quyền xử dụng hình ảnh và video được thu trong tất cả các sinh hoạt của Trung Tâm.
- 10- **Học phí** của học sinh sẽ không được hoàn trả sau 2 tuần nhập học (với bất cứ lý do gì)

**Lưu ý: Nếu vi phạm các điều trên, Trung tâm sẽ áp dụng các biện pháp kỷ luật cho học sinh bao gồm: chép phạt, không cho ra chơi, mời phụ huynh đến trường hoặc bị đuổi học vĩnh viễn**

**Phụ Huynh ký tên:**

---

# LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay con em chúng ta rộn rã đến trường vào mỗi cuối tuần để tìm về nguồn cội Việt Nam. Vì vậy, Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose cố gắng biên soạn bộ sách giáo khoa tiếng Việt "Chúng Em Cùng Học" gồm 12 tập.

Mục tiêu nhằm khuyến khích các em biết đọc, biết viết tiếng Mẹ thân thương và thấm nhuần phong tục tập quán cùng lịch sử của tổ tiên. Sách được soạn từ dễ đến khó: từ cấp lớp 1 đến cấp lớp 12. Mỗi tập gồm có 15 bài học trong lớp và 15 bài làm ở nhà. --- Riêng 5 tập đầu có 16 bài. Ngoài ra còn có hai kì thi giữa khóa và cuối khóa để kiểm nhận trình độ học vấn của các em.

Thời gian để hướng dẫn sửa bài làm ở nhà và học bài mới tại lớp là 2 giờ 30 phút, không kể 30 phút ra chơi trong một buổi học.

Về cách phát âm chữ cái và ráp vần, chúng tôi áp dụng theo cuốn "Cẩm Nang Sư Phạm" do công trình biên soạn chung của nhiều nhà giáo khả kính và giàu kinh nghiệm trong ban đại diện các Trung Tâm Việt Ngữ miền Nam California. Tập sách này đã được tái bản tháng 7 năm 1996.

Về cách viết tiếng có I (ngắn) hay Y (dài), chúng tôi căn cứ vào cuốn "Tự Điển Việt Nam" của hội Khai Trí Tiến Đức do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931, trong khi chờ đợi một chuẩn mực chính tả chung trong tương lai.

Nhân dịp này, kính mong quý văn, thi sĩ cũng như quý giáo chức rộng lòng cho phép chúng tôi được dùng những bài văn, thơ của quý vị để làm tài liệu giảng dạy. Và mặc dù đã cố gắng nhiều, chúng tôi ước mong quý vị có nhiệt tâm với tiếng Việt chỉ giáo những thiếu sót để cho bộ sách "Chúng Em Cùng Học" ngày được hoàn hảo hơn.

Xin quý vị nhận nơi đây lời tri ân chân thành của chúng tôi.

Trân trọng,

Ban Tu Thư

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose, California, U . S . A.

## ĐỊNH NGHĨA

- I - CHỮ** Chữ là dấu hiệu viết ra, chắp lại với nhau để biểu thị tiếng nói.  
Tiếng Việt có 23 chữ cái:  
*a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, x, y.*
- II - ÂM** Âm là giọng. Âm có âm trầm (tức là giọng thấp) và âm bổng (tức là giọng cao).  
Để ghi âm tiếng Việt, chúng ta có nguyên âm, phụ âm đơn và phụ âm ghép:  
- 12 nguyên âm: *a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y.*  
- 17 phụ âm đơn: *b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, p, q, r, s, t, v, x.*  
- 11 phụ âm ghép: *ch, gh, gi, kh, ng, ngh, nh, ph, qu, th, tr.*
- III - VẦN** Vần, do một nguyên âm đứng một mình, hay ghép với một hoặc nhiều âm khác mà thành. Vần có thể là một tiếng hay một phần của tiếng. Vần đôi khi không có nghĩa.  
Thí dụ: *a, o, ui, iết, ong, iêng, ươm* v. v. . .
- IV - TIẾNG** Tiếng do một nguyên âm đứng riêng hay do nhiều âm ráp lại mà thành. Tiếng đôi khi không có nghĩa.  
Thí dụ: *A! bông hoa đẹp quá.*  
Câu này có năm tiếng.
- V - TỪ** Từ do một hay nhiều tiếng ghép lại. Từ có từ đơn và từ ghép. Từ luôn luôn có ý nghĩa.  
Thí dụ:  
- *A, ba, nhà* là ba từ đơn.  
- *Học sinh, thầy giáo, cô giáo, máy bay trực thăng* là bốn từ ghép.

# NHỮNG NGUYÊN TẮC VIẾT CHÍNH TẢ

(Thầy cô tùy nghi áp dụng về các dấu trong khi giảng dạy)

## A- Vị trí chung cho các dấu giọng.

1) Những từ chỉ có một nguyên âm mang dấu mũ hay không có dấu mũ --- **a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư** ---, thì dấu giọng được viết ở nguyên âm ấy như :

- Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
- Gần mực thì đen, gần đèn thì rang.

2) Nếu từ có hai nguyên âm đứng sau phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm đầu như :

- Chị Thùy bỏ keo vào túi áo.
- Cái răng cái tóc là vóc con người.

3) Nếu từ có hai nguyên âm ở giữa hay đằng trước phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- Cụ Toàn thích ăn oản.
- Nước Việt Nam có ba miền : Bắc, Trung, Nam.

4) Nếu từ có ba nguyên âm thì dấu giọng ở vào vị trí nguyên âm giữa như :

- Hãy yêu thương người đồng loại.
- Ông bà ngoại em có lòng đoái thương người thiếu ăn, thiếu mặc.



## **B- Quy tắc về dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) trên các từ láy.**

Đặc biệt áp dụng cho các từ láy thì dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) được đánh dấu theo quy tắc sau đây:

### 1) Dấu hỏi (?).

Một trong hai tiếng của từ láy không có dấu ( ) hoặc có dấu sắc (´) thì tiếng còn lại phải được đánh dấu hỏi (?) như :

- Thoai thoải, chăm chỉ, mát mẻ, rải rác .....

### 2) Dấu ngã (~).

Một trong hai tiếng của từ láy có dấu huyền (˘) hoặc có dấu nặng (•) thì tiếng kia phải được đánh dấu ngã (~) như :

- Bì bõm (lội), dễ dàng, rộn rã, nghĩ ngợi .....

\* Áp dụng quy tắc này qua câu thơ:

***“ Em Huyền (˘) mang Nặng (•) Ngã (~) đau  
Anh Không ( ) Sắc (´) thuốc Hỏi (?) đau chỗ nào”.***

Tuy nhiên cũng có một số ít từ láy thuộc vào trường hợp ngoại lệ và cũng có một số từ ghép Hán Việt không theo quy tắc trên như :

- Ngoan ngoãn, Sửa soạn, Đầy đủ, Bồi bổ, Hòa hoãn, Thỏ thần ....

## C- Viết Chính Tả Với Chữ I và Y

Vào năm 1931, hội Khai Trí Tiến Đức cho xuất bản bộ "Việt Nam Tự Điển" tại Hà Nội. Kể từ đó đến nay chúng ta được biết nhiều nhà văn, nhà giáo đã góp ý kiến hoặc viết sách báo theo chuẩn mực chính tả đề cập trong bộ tự điển này.

Gần đây một nhà văn bày tỏ thêm ý kiến như sau:

*"Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức, do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931 phân biệt khá rõ rệt trường hợp nào viết với chữ I và trường hợp nào viết với chữ Y.*

*Những hội nghị về chữ quốc ngữ, điển hình là "Hội Nghị Thống Nhất Ngôn Ngữ" (1956) hay những ủy ban chuyên môn nghiên cứu về chữ quốc ngữ để nêu ra nguyên tắc chính tả, như "Ủy Ban Điển chế Văn tự" (1973) đều nhấn mạnh cần sử dụng bộ "Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức làm tiêu chuẩn. Tiếc là không mấy ai chú ý đến những lời khuyến cáo này. Để rồi vẫn viết sai nhiều chữ mà tưởng là mình viết đúng. Trong đó có trường hợp lẫn lộn giữa chữ I và chữ Y. Lâu dần, sự sai lầm đó trở nên phổ quát hầu như không thể nào sửa lại được nữa cho những người quen dùng.*

Nay chúng tôi biên soạn bộ sách giáo khoa "Chúng Em Cùng Học". Ban Tu Thư của trường Việt Ngữ Văn Lang San Jose dựa theo nguyên tắc chính tả trong bộ tự điển của hội Khai Trí Tiến Đức để giúp các em bớt khó khăn khi ráp vần và viết chính tả với chữ I và chữ Y.

Xin nêu ra đây những nhận định tiêu biểu :

### I. Về chữ i.

Chỉ viết chữ **i** khi **i** ngắn là nguyên âm duy nhất trong một tiếng hay một từ như :

**Trước kia viết:**

lý do  
địa lý  
đi tỵ nạn  
một tỷ đồng  
v. v. . .

**Nay sẽ viết:**

lí do  
địa lí  
đi tị nạn  
một tỉ đồng

II. Về chữ **y**.

Chỉ viết chữ **y** dài trong những trường hợp sau đây :

1. Tự nó (chữ **y**) là một tiếng có đủ nghĩa như :

chú <b>y</b>	ngồi <b>y</b>
<b>y</b> kiến	<b>y</b> phục
<b>y</b> lại	v. v. . .

2. Tuy **y** và **i** đồng âm nhưng khác nghĩa khi ráp vần. Cho nên vần mà có nguyên âm **y** dài phải được sử dụng chính xác, không thể viết lẫn lộn với nguyên âm **i** ngắn được như :

● Từ có vần:

nước **chăy** (ay)  
 ngày **nay** (ay)  
 say **túy lúy** (uy)  
 cô **Thúy** (uy)  
 v. v. . .

không thể viết  
 không thể viết  
 không thể viết  
 không thể viết

● Từ có vần:

nước **chải** (ai)  
 ngày **nai** (ai)  
 say **túi lúi** (ui)  
 cô **Thúi** (ui)

3. Với **y** dài hay **i** ngắn của danh từ riêng về người, về địa danh v. v. . . trước sau không thay đổi như :

Nguyễn Ngu <b>Í</b>	(tên nhà văn)
Lý Thường Kiệt	(tên một danh tướng)
Mỹ Tho	(tên một tỉnh)
Mỹ Quốc	(tên một nước)
v. v. . .	

Chúng tôi hi vọng con em chúng ta sẽ không còn bối rối khi nào viết **i** ngắn và khi nào viết **y** dài.

## 23 CHỮ CÁI TIẾNG VIỆT

<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>D</b>	<b>Đ</b>	<b>E</b>	<b>G</b>	<b>H</b>
a	b	c	d	đ	e	g	h
<b>I</b>	<b>K</b>	<b>L</b>	<b>M</b>	<b>N</b>	<b>O</b>	<b>P</b>	<b>Q</b>
i	k	l	m	n	o	p	q
<b>R</b>	<b>S</b>	<b>T</b>	<b>U</b>	<b>V</b>	<b>X</b>	<b>Y</b>	
r	s	t	u	v	x	y	

### THÊM DẤU

\* Dấu mũ: **^**      \* Dấu á: **◡**      \* Dấu móc: **ʼ**

### CÁCH PHÁT ÂM CHỮ CÁI CÓ THÊM DẤU

<b>A</b>	<b>Ă</b>	<b>Â</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>D</b>	<b>Đ</b>	<b>E</b>
a	á	ơ	bờ	cờ	dờ	đờ	e
<b>Ê</b>	<b>G</b>	<b>H</b>	<b>I</b>	<b>K</b>	<b>L</b>	<b>M</b>	<b>N</b>
ê	gờ	hờ	i	ca	lờ	mờ	nờ
<b>O</b>	<b>Ô</b>	<b>Ơ</b>	<b>P</b>	<b>Q</b>	<b>R</b>	<b>S</b>	<b>T</b>
o	ô	ơ	pờ	quờ	rờ	sờ	tờ
<b>U</b>	<b>Ư</b>		<b>V</b>	<b>X</b>	<b>Y</b>		
u	ư		vờ	xờ	i-cờ-rét		

## 12 nguyên âm đơn

---

<b>A</b> <i>a</i>	<b>Ă</b> <i>á</i>	<b>Â</b> <i>ớ</i>	<b>E</b> <i>e</i>	<b>Ê</b> <i>ê</i>	<b>I</b> <i>i</i>
<b>O</b> <i>o</i>	<b>Ô</b> <i>ô</i>	<b>Ơ</b> <i>ơ</i>	<b>U</b> <i>u</i>	<b>Ư</b> <i>ư</i>	<b>Y</b> <i>i-cờ-rét</i>

## 11 phụ âm ghép

---

<b>CH</b> <i>chờ</i>	<b>GH</b> <i>gờ-hát</i>	<b>GI</b> <i>giờ</i>	<b>KH</b> <i>khờ</i>	
	<b>NG</b> <i>ngờ</i>	<b>NGH</b> <i>ngờ-hát</i>		
<b>NH</b> <i>nhờ</i>	<b>PH</b> <i>phờ</i>	<b>QU</b> <i>quờ</i>	<b>TH</b> <i>thờ</i>	<b>TR</b> <i>trờ</i>

## **Tiêu Chuẩn cho học sinh cấp 4**

- Đọc và viết thông thạo và ghép vần tiếng Việt Nam (eo, êu, iu, ec, oc, ôc, ia, oa, oe, oi, ôi, oí, om, ôm, om, on, ôn, ơn, op, ôp, ơp, ot, ôt, ơt, ua, ur, uc, ur, ui, ur, uy, um, un, uê, up, ut, ur)
- Ráp vần và đặt câu bằng miệng
- Học thuộc lòng
- Chính tả, tập đọc đoạn văn ngắn 4-5 dòng
- Tập viết nguyên câu ngắn
- Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa
- Học đếm số từ 20 đến 30, 40 ... 100
- Học Huyền sử (Sự Tích Trầu Cau, Bánh Chưng Bánh Dầy)
- Học Địa lý (bờ biển, khí hậu Việt Nam)
- Làm bài và nộp bài đầy đủ và đúng kì hạn do thầy cô yêu cầu
- Hoàn tất 2 kì thi : học kì 1 và học kì 2

## BÀI ÔN CẤP 3

### • Vần.

ai ay ây am ăm âm an ăn ân  
 ao au âu ac ắc ác ap ắp áp  
 at ăt ât em êm im en ên in  
 ep êp ip et êt it

### • Tập đọc có vần:

<b>ai</b> → vai phải	<b>ay</b> → hôm nay	<b>ây</b> → thầy cô
<b>am</b> → trái cam	<b>ăm</b> → năm xôi	<b>âm</b> → ngâm tằm
<b>an</b> → đàn hát	<b>ăn</b> → chăn trâu	<b>ân</b> → tay chân
<b>ao</b> → chào hỏi	<b>au</b> → lên tàu	<b>âu</b> → ở đâu
<b>ac</b> → nghe nhạc	<b>ắc</b> → mặc áo	<b>ác</b> → xôi gấc
<b>ap</b> → xe đạp	<b>ắp</b> → hạt bắp	<b>áp</b> → béo mập
<b>at</b> → hạt sen	<b>ăt</b> → bắt cá	<b>ât</b> → giặt câu
<b>em</b> → thềm ăn	<b>êm</b> → nằm nệm	<b>im</b> → tổ chim
<b>en</b> → hoa sen	<b>ên</b> → Tên em	<b>in</b> → xin tiền
<b>ep</b> → ngõ hẹp	<b>êp</b> → đèn xếp	<b>ip</b> → rộn rịp
<b>et</b> → nghệt mũi	<b>êt</b> → Sơn phết	<b>it</b> → trái mít

*\* Thầy cô có thể thêm vào những từ khác liên kết với những vần trên để các em tập đọc*

## • Bài Tập.

Tìm và gạch dưới những từ ở trên có vần:

**ai, âm, ăn, ao, ăc, âp, at, êm, in, ep, êt**

## • Đặt từ với những vần dưới đây:

ay: \_\_\_\_\_ ăm: \_\_\_\_\_ an: \_\_\_\_\_  
au: \_\_\_\_\_ âc: \_\_\_\_\_ ap: \_\_\_\_\_  
ăt: \_\_\_\_\_ im: \_\_\_\_\_ et: \_\_\_\_\_

## • Tập đọc.

Thầy cô cho các em tập đọc.

### Tiếng Việt Mến Yêu

Lớn lên ở Mỹ, em vẫn yêu tiếng Việt. Này nhé! Tiếng mẹ ru em từ lúc **nằm nôi**. Ông bà, anh chị âu yếm chào đón em sinh ra đời. Bao lời dạy bảo ngọt ngào hòa với dòng sữa mẹ nuôi em khôn lớn. Bây giờ em chăm học tiếng Việt. Em kính yêu ông bà và cha mẹ nhiều hơn.

## • Chính tả.

Thầy cô đọc bài Tiếng Việt Mến Yêu cho các em viết chính tả.

## • Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ay, ây; am, ăm; ân, ao, âu; em, ên, ep**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

---

---

---

---

---

---

---



- **Việt sử.**

## Con Rồng Cháu Tiên

Nguồn cội tổ tiên,  
 Từ thửa hoang sơ.  
 Có Lạc long Quân.  
 Cưỡi sóng vào bờ.  
 Lấy nàng tiên nữ.  
 Tên là Âu Cơ.  
 Sinh ra trăm trứng.  
 Ơn trời cho nở.  
 Trăm con **sởn** sơ.  
 Năm mươi con thơ.  
 Theo mẹ lên non.  
 Năm mươi cùng cha,  
 Hướng về biển Đông.  
 Dựng nước Văn Lang,  
 Hơn bốn ngàn năm.  
**Lưu truyền** nòi giống,  
 Con Rồng cháu Tiên.

*\*Thầy cô đặt một vài câu hỏi liên quan đến bài “Con Rồng Cháu Tiên” cho các học sinh nhớ lại bài học*

- **Địa lí.**

## Việt Nam

Nước Việt Nam hình cong như chữ S, có ba thành phố lớn là: Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Nước Việt Nam ở Đông Nam châu Á. Phía bắc giáp với nước Trung Hoa, phía tây giáp với nước Lào và nước Cambodia. Phía Đông nước Việt Nam là biển Đông, nằm trong biển Thái Bình. Việt Nam có nhiều đảo lớn như đảo Cái Bàu, Cái Bàn, Cát Bà, Côn Sơn, Phú Quốc. Ngoài ra còn có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

*\*Thầy cô đặt một vài câu hỏi liên quan đến “Việt Nam” cho các học sinh nhớ lại bài học*

# BÀI MỘT

- Vần:** **eo** **êu** **iu**  
Phát âm: e-o-eo ê-u-êu i-u-iu



Nguyên âm Nguyên âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
e + o = eo	cái kéo (cờ-ai-cai-sắc-cái ca-eo-keo-sắc-kéo)
ê + u = êu	áo thun (a-o-ao-sắc-áo thờ-êu-thêu)
i + u = iu	lú lo (lờ-iu-liu-sắc-lú lờ-o-lo)

## • Bài tập.

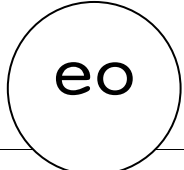
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

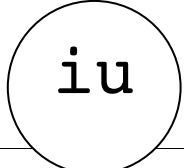
**trèo cây - nhỏ xíu**

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ấn íu</p>  <p>Bé có nhấ _____</p>	<p>èo ây</p>  <p>Con mèo _____</p>
---	--

• Em ráp vần.

<b>b + eo</b>		<b>béo</b> (bờ-eo-beo-sắc-béo)	<b>bèo</b> (bờ-eo-beo-huyền-bèo)
k		kéo	kẹo
m		mèo	méo
th		theo	thẹo

<b>d + iu</b>		<b>dùi</b> (dờ-iu-diui-huyền-dùi)	<b>dịu</b> (dờ-iu-diui-nặng-dịu)
t		tiui	tíui
x		xíui	xìui
ch		chíui	chịui

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Bé <b>theo</b> bà đi chợ. Cô Tám <b>thêu</b> khăn đẹp. Chờ nên ăn đồ <b>thiu</b> .	... con mèo ... ... mếu máo ... ... lú lo ...



• **Tập đọc.**

**Con Mèo**

Nhà em có con mèo.  
Ban ngày thiu thiu ngủ.  
Tối đến hay leo trèo.  
Chuột nghe sợ khiếp vía.  
Khi mèo kêu meo meo.

• **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **eo, êu, iu** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **eo, êu, iu** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

---

.....

---

.....

---

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Bé ..... bà đi chợ. Chó nên ăn đồ ..... Con mèo hay .... trèo. Cô Tám .... khăn đẹp. Bé có nhãn nhỏ .....	..... ..... ..... ..... .....

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Con <u>mều</u> ở nhà em. Mèo hay <u>siu siu</u> ngủ. Tối đến mèo leo <u>chèo</u> . Chuột <u>nghe xơ</u> khiếp vía. Vì mèo kêu <u>mêu mêu</u> .	..... ..... ..... ..... .....

### • Chính tả.

- Thầy cô đọc bài "Con Mèo" cho các em viết chính tả.

### • Học thuộc lòng.

#### Mèo Kêu

Con mèo kêu meo meo.  
Con heo kêu ụt ịt.  
Chim vui hót *lú lo*.  
Ồ, ó, o, o, o!  
Là con gà cồ gáy.

### • Giải nghĩa.

- *Lú lo*: Tiếng chim hót với nhiều âm thanh cao, trong và liên tiếp nhau nghe vui tai.

*Ăn bát cơm dẻo,  
nhớ nẻo đường đi.*

## BÀI HAI

- Vần:**                      **ec**                      **oc**                      **ôc**  
*Phát âm:*                      *e-cờ-ec*                      *o-cờ-oc*                      *ô-cờ-ôc*



Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
e + c = ec	con kéc ( <i>cờ-on-con ca-ec-kec-sắc-kéc</i> )
o + c = oc	khóc lóc ( <i>khờ-oc-khoc-sắc-khóc lờ-oc-loc-sắc-lóc</i> )
ô + c = ôc	ốc sên ( <i>ô-cờ-ôc-sắc-ốc sờ-ên-sên</i> )

### • Bài tập.

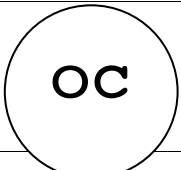
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

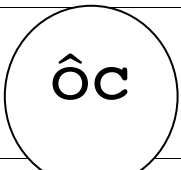
#### khóc nhè - Ốc sên

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>óc âm</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Bé Tâm _____</p>	<p>Ốc âm</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>_____ bò chậm.</p>
---	--

• Em ráp vần.

<b>c + oc</b>		<b>cóc</b> (cờ-oc-coc-sắc-cóc)	<b>cọc</b> (cờ-oc-coc-nặng-cọc)
b		bóc	bọc
nh		nhóc	nhọc
th		thóc	thọc

<b>đ + ôc</b>		<b>đốc</b> (đờ-ôc-đôc-sắc-đốc)	<b>độc</b> (đờ-ôc-đôc-nặng-độc)
h		hốc	hộc
m		mốc	mộc
t		tốc	tộc

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Ba làm việc <b>nhọc</b> nhằn. Lên <b>đốc</b> , xe chạy chậm. Con lợn kêu eng <b>éc</b> .	... học trò ... ... gốc cây ... ... thọc léc ...



- **Tập đọc.**

## Về Quê Chơi

Ngày hè nghỉ học, bà dắt bé về quê chơi. Bé rất vui thấy con kéc mỏ đỏ. Nó kêu kéc! kéc! Một con cóc ở gốc cây nhảy ra làm bé sợ khóc. Bà dỗ bé nín. Bà chỉ bé xem con ốc sên bò trên cây.

- **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ec, oc, ôc** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ec, oc, ôc** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

\_\_\_\_\_

.....

\_\_\_\_\_

.....

\_\_\_\_\_

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Lên . . . , xe chạy chậm. . . . . . sên bò chậm. Ba làm việc . . . . . nhàn. Bé Tâm hay . . . . . nhè. Con lợn kêu eng . . . !	. .



- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
<p><u>Ngỉ</u> học, bé về quê chơi.  Con <u>céc</u> có mỏ màu đỏ.  <u>Kóc</u> trong hang nhảy ra.  Con ốc sên bò <u>trâm</u>.</p>	<p>.....  .....  .....  .....</p>

### • Chính tả.

- Thầy cô đọc bài "Về Quê Chơi" cho các em viết chính tả.

### • Học thuộc lòng.

#### Còn Bé

Còn bé, em hay khóc,  
Đến nay em vui học:  
*Nòng nọc* ở dưới ao,  
Lớn lên là con cóc.  
Con kéc có mỏ đỏ.  
Ốc sên bò rất chậm.

### • Giải nghĩa.

- *Nòng nọc*: Loại ếch hay nhái con ở giai đoạn mới sinh trưởng, sống dưới nước, thở bằng mang và có đuôi.

***Cái răng, cái tóc  
là vóc con người.***

## BÀI BA

- **Vần:**                      **ia**                      **oa**                      **oe**  
 Phát âm:                      *i-a-ia*                      *o-a-oa*                      *o-e-oe*



Nguyên âm Nguyên âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
i + a = ia	bìa vở ( <i>bờ-ia-bia-huyền-bìa</i> <i>vờ-ơ-vơ-hỏi-vở</i> )
o + a = oa	ổ khóa ( <i>ô-hỏi-ổ</i> <i>khờ-oa-khoa-sắc-khóa</i> )
o + e = oe	xòe tay ( <i>xờ-oe-xoe-huyền-xòe</i> <i>tờ-ay-tay</i> )

### • Bài tập.

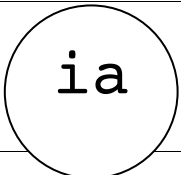
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

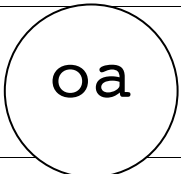
#### **bìa vở - khéo mắt**

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ia    ên</p>  <p>Ghi tên vào _____</p>	<p>ắt    óe</p>  <p>Lệ trên _____</p>
--	---

• Em ráp vần.

<b>k + ia</b>		<b>kia</b>	<b>kìa</b>
		<i>(ca-ia-kia)</i>	<i>(ca-ia-kia-huyền-kìa)</i>
b		bia	bìa
ch		chia	chỉa
ph		phía	phịa

<b>l + oa</b>		<b>loa</b>	<b>lóa</b>
		<i>(lờ-oa-loa)</i>	<i>(lờ-oa-loa-sắc-lóa)</i>
h		hóa	hòa
x		xoa	xóa
kh		khoa	khóa

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Cái áo <b>kia</b> đẹp hơn. <b>Hoa</b> hậu <b>Hoa</b> Kỳ. Vở ướt, chữ bị <b>nhòe</b> .	... kia kìa ... ... chìa khóa ... ... bé khoe ...



• **Tập đọc.**

**Bé Khỏe**

Mẹ vui vì bé khỏe.  
Đôi mắt bé tròn xoe.  
Má hồng như thoa phấn.  
Kìa! miệng bé cười toe!  
Chân và tay bụ bẫm.  
Ít khi bé khóc nhè.

• **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ia, oa, oe** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ia, oa, oe** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

---

.....

---

.....

---

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Cái áo . . . . . đẹp hơn. Vở ướt, chữ bị . . . . . Lệ rơi trên . . . . . mắt. Em ghi tên vào . . . . . vở. Hoa hậu . . . . . Kỳ.	. .

- **Việt sử.**

**Sự Tích Trầu Cau \***

Anh em họ Cao,  
Thương nhau đậm đà,  
Không muốn lìa xa.  
Lúc anh cưới vợ,  
Em buồn đi xa,  
Đến bờ sông sâu,  
Chết thành hòn đá.  
Nhớ em lòng đau,  
Anh tìm đến đó,  
Chết thành cây cau.  
Vợ buồn đến sau,  
Chết thành dây trầu.

(xem tiếp trang 28)

- **Bài hát.**

**Em Yêu Ai ?**

Nếu hỏi rằng: Em yêu ai?  
Thì em rằng: em yêu Ba nè.  
Thì em rằng: em yêu Má nè.  
Yêu chị, yêu anh, yêu hết cả nhà....  
Nhưng nhất là yêu má cơ!

**Hùng Lân**  
(xem tiếp trang 28)

***Kiến tha lâu đầy tổ.***

\* Bài đọc thêm ở cuối sách.

## BÀI BỐN

### Ôn bài một.

#### • Tập đọc có vần:

eo	êu	iu
Con mèo leo trèo cây cao. Bé Tèo khéo léo vẽ theo con mèo.	Áo thêu đều chỉ màu rêu. Cò, sếu cao nghều, cao nghệu.	Gió thổi hiu hiu, bé thiú thiú ngủ. Ba có cái riu nhỏ xiu.

#### • Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **eo** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **êu** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **iu** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Đặt câu.

con mèo: .....

áo thêu: .....

liú lo: .....

## Ôn bài hai.

### • Tập đọc có vần:

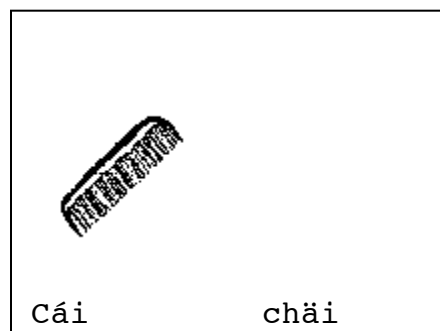
ec	oc	ôc
Kéc kêu kéc kéc. Ở quê heo kêu eng éc.	Con cóc nhảy phóc bé khóc. Chị Ngọc chăm học nhọc nhằn.	Trèo dốc một chốc thở dốc. Gió lốc làm tróc gốc cây.

### • Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ec** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **oc** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôc** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

### • Câu đố.

1. Da cóc mà bọc trứng gà,  
Mở ra thơm nức cả nhà muốn ăn.  
Đố là trái gì ?
2. Cái gì mà có nhiều răng,  
Con gái thì thích, nhà sư chẳng dùng.  
Đố là cái gì ?



## Ôn bài ba.

### • Tập đọc có vần:

<b>ia</b>	<b>oa</b>	<b>oe</b>
Kìa cá lia thìa đỏ tía. Kìa kìa chìa khóa rơi trên vĩa hè.	Nói ngoa khoa tay xí xóa. Mùi hoa tỏa khắp tòa nhà bác Khoa.	Mẹ khoe bé khỏe. Bé cười toe toét, đôi mắt tròn xoe.

### • Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ia** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **oa** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **oe** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Đặt câu.

đỏ tía : .....

mùi hoa : .....

xòe tay : .....



• **Tập đọc - Chính tả.**

**Bé Khoa**

Hãy coi kìa! Bé Khoa trông khỏe mạnh và lanh lẹ. Ngày ngày Khoa theo cha dạy chim kéc học nói. Chim líu lo như trẻ nhỏ. Nhưng chốc chốc nó lại kêu kéc kéc.

Vào nhà, Khoa khoe mẹ: "Mẹ à! Con kéc biết nói rồi".

• **Bài tập.**

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **eo, êu, iu.**
- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ec, oc, ôc.**
- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ia, oa, oe.**
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

---

.....

---

• **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Bé Khoa" cho các em viết chính tả.

• **Địa lí.**

**Bờ Biển Việt Nam**

Bờ biển nước Việt Nam dài 3.444 km. Có nhiều hải cảng tốt là Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Cam Ranh, Vũng Tàu. (Xem bản đồ trang 66)

***Thương người như  
thể thương thân.***

## BÀI NĂM

- **Vần:**                      **oi**                      **ôi**                      **ơ**  
*Phát âm:*                      o-i-oi                      ô-i-ôi                      ơ-i-ơi


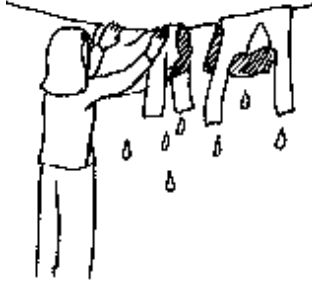
Nguyên âm Nguyên âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
o + i = oi	học giỏi ( <i>hờ-oc-hoc-nặng-học giờ-oi-gioi-hỏi-giỏi</i> )
ô + i = ôi	cái gỏi ( <i>cờ-ai-cai-sắc-cái    gờ-ôi-gôi-sắc-gỏi</i> )
ơ + i = ơi	phơi áo ( <i>phờ-ơi-phơi    a-o-ao-sắc-áo</i> )

### ● Bài tập.

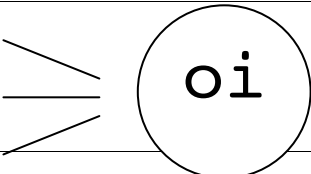
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

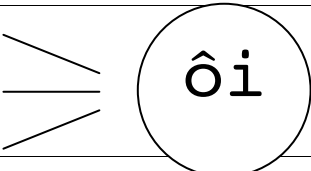
#### phơi áo - học giỏi

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ôi    ơi</p>  <p>Em Khôi _____</p>	<p>ộc    ơ</p>  <p>Chị Lộc _____</p>
--	--

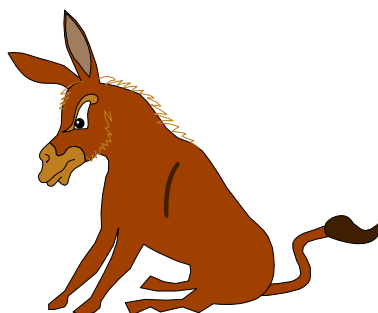
• Em ráp vần.

<b>c + oi</b>		<b>coi</b> (cờ-oi-coi)	<b>còi</b> (cờ-oi-coi-huyền-còi)
g		gỏi	gọi
v		vỏi	vọi
ng		ngỏi	ngòi

<b>đ + ôi</b>		<b>đôi</b> (đờ-ôi-đôi)	<b>đòi</b> (đờ-ôi-đôi-huyền-đòi)
t		tôi	tối
kh		khôi	khối
ph		phôi	phối

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
<b>Còi</b> xe nghe <b>chói</b> tai. Gió <b>thổi</b> ngã cây. Có học phải có <b>chơi</b>	... nói ... ... đôi ... ... đi chơi ...



## • Tập đọc.

### Giờ Ra Chơi

Chuông báo giờ ra chơi.  
Cô giáo vừa cho phép.  
Em liền ra sân chơi.  
Nhảy dây ở một nơi.  
Chạy đua la ơi ơi.  
Nắng trưa thì chói lọi,  
Chẳng ai ngồi nghỉ ngơi.

## • Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **oi, ôi, ơ** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **oi, ôi, ơ** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Còi xe nghe . . . . . tai.	. . . . .
Chị Lộc . . . . . áo.	. . . . .
Có học phải có. . . . .	. . . . .
Em Khôi . . . . . giỏi.	. . . . .
Gió mạnh . . . ngã cây.	. . . . .

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Em ra sân <u>trơi</u> . Nhảy <u>giây</u> ở một nơi. <u>Tray</u> đưa la ơi ới. Năng <u>chưa</u> thì <u>trới</u> lợi.	..... ..... ..... .....

### • Chính tả.

Thầy cô đọc bài "Giờ Ra Chơi" cho các em viết chính tả.

### • Học thuộc lòng.

#### Buổi Tối Ở Quê

Ở quê khi trời tối,  
Tôi ngồi chơi trên đồi.  
**Hiu hiu** làn gió thổi,  
Đế kêu ran khắp lối,  
Đom đóm bay **lập lòe**,  
Xa xa nghe chó sủa.

### • Giải nghĩa.

- **Hiu hiu**: Gió thổi nhẹ, từng hồi. - **Lập lòe**: Ánh sáng khi lóe lên khi mờ đi.

***Lá rụng về cội.***

## BÀI SÁU

- Vần:**                      **om**                      **ôm**                      **ơm**  
*Phát âm:*                      *o-mờ-om*                      *ô-mờ-ôm*                      *ơ-mờ-ơm*



Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
o + m = om	lom khom ( <i>lờ-om-lom khờ-om-khom</i> )
ô + m = ôm	gối ôm ( <i>gờ-ôi-gôi-sắc-gối ô-mờ-ôm</i> )
ơ + m = ơm	hạt cơm ( <i>hờ-at-hat-nặng-hạt cờ-ơm-cơm</i> )

### • Bài tập.

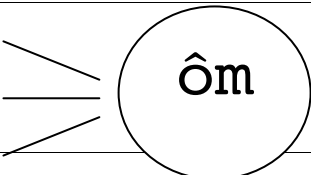
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

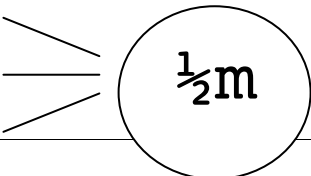
**lom khom - gối ôm**

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>là om</p>  <p>Cụ già đi _____</p>	<p>ối ôm</p>  <p>Cái _____ dài.</p>
---	---

• Em ráp vần.

<b>g + ôm</b>		<b>gôm</b> (gờ-ôm-gôm)	<b>gồm</b> (gờ-ôm-gôm-huyền-gồm)
h		hôm	hồm
ch		chôm	chồm
nh		nhôm	nhồm

<b>b + ơm</b>		<b>bơm</b> (bờ-ơm-bơm)	<b>bờm</b> (bờ-ơm-bơm-huyền-bờm)
c		cơm	cờm
r		rom	rờm
nh		nhơm	nhờm

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Mẹ <b>lom khom</b> hái rau. Bác Khôi gầy <b>ốm</b> . Trái mít quá <b>thơm</b> .	. . . trái khóm . . . . . . con tôm . . . . . . bát cơm . . .



• **Tập đọc.**

**Bà Bị Ốm**

Hôm qua bà bị ốm.  
Bà ăn chẳng được cơm.  
Cả nhà đều lo ngại.  
Mẹ ân cần chăm nom,  
Đưa bà đi bác sĩ.  
Hôm nay bà khỏe hơn.  
Em cảm tạ ơn trời.

• **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **om, ôm, ơ** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **om, ôm, ơ** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

\_\_\_\_\_

.....

\_\_\_\_\_

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Mẹ lom . . . . . hái rau.	.....
Cái gối . . . . . dài.	.....
Bác Khôi gầy . . . . .	.....
Cụ già . . . . . khom.	.....
Trái mít quá . . . . .	.....



- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Bà em bị <u>ố</u> n hôm qua. Bà ăn <u>cô</u> m không được. Mẹ em <u>trắ</u> m nom bà. Mẹ em dậy thật <u>xó</u> m. Nấu <u>tráo</u> mời bà ăn.	..... ..... ..... ..... .....

### • Chính tả.

Thầy cô đọc bài "Bà Bị Ốm" cho các em viết chính tả.

### • Học thuộc lòng.

#### Ngày Mùa

Hôm qua em thăm quê.  
Trong gió mới thổi về,  
Ngọt ngào mùi thơm lúa.  
Với tiếng cười *hả hề*,  
Dân làng *lom khom* gặt,  
Mừng vui chở thóc về.

### • Giải nghĩa.

- *Hả hề*: Vui sướng thích thú. - *Lom khom*: Tư thế cong lưng xuống.

*Sau cơn mưa, trời lại nắng.*

## BÀI BẢY

- Vần:**                      **on**                      **ôn**                      **ơn**  
*Phát âm:*                      *o-nờ-on*                      *ô-nờ-ôn*                      *ơ-nờ-ơn*

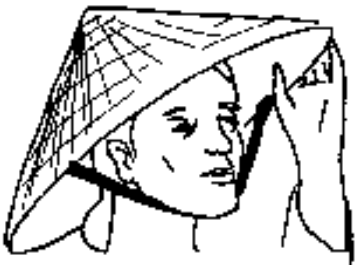

Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ (tiếng) Phụ âm / Vần
o + n = on	cái nón ( <i>cờ-ai-cai-sắc-cái nờ-on-non-sắc-nón</i> )
ô + n = ôn	bốn chân ( <i>bờ-ôn-bôn-sắc-bốn chờ-ân-chân</i> )
ơ + n = ơn	cao lớn ( <i>cờ-ao-cao lờ-ơn-lon-sắc-lớn</i> )

### • Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

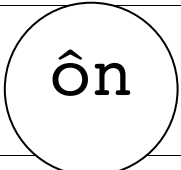
#### **đội nón - bốn chân**

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ón ôn</p>  <p>Bác Côn _____</p>	<p>ơn ôn</p>  <p>Con lợn có _____</p>
---	---

• Em ráp vần.

<b>c + on</b>		<b>con</b> (cờ-on-con)	<b>còn</b> (cờ-on-con-huyền-còn)
đ		đón	đòn
ng	_____	ngon	ngon
tr	_____	tròn	tròn

<b>h + ôn</b>		<b>hôn</b> (hờ-ôn-hôn)	<b>hồn</b> (hờ-ôn-hôn-huyền-hồn)
t		tôn	tồn
ch		chôn	chồn
kh		khôn	khốn

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Bát sạch thì <b>ngon</b> cơm. Mẹ ôm <b>hôn</b> em bé. Ba và em <b>sơn</b> nhà.	. . . ngon cây . . . . . . nhận nhịp . . . . . . cao hơn . . .



## • Tập đọc.

### Bàn Tay

Bàn tay em năm ngón.  
Có ngón ngắn, ngón dài.  
Như anh em một nhà,  
Có kẻ hơn người kém.  
Nhưng cùng một mẹ cha.  
Phải yêu thương **đoàn kết**.  
Mới thật là khôn ngoan.

## • Bài tập.

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **on, ôn, ơn** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **on, ôn, ơn** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

\_\_\_\_\_

.....

\_\_\_\_\_

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Bát sạch thì . . . . . cơm.	.....
Ba và em . . . . . nhà.	.....
Con lợn có . . . . . chân.	.....
Mẹ ôm . . . . . bé.	.....
Bác Côn đội . . . . . lá.	.....

•

- **Việt sử.**

### **Sự Tích Trầu Cau \***

Trầu, cau, đá vôi,  
Nhai lẫn với nhau,  
Lên màu đỏ thắm.  
Vua Hùng thứ tư,  
Truyền cho dân chúng,  
Cưới hỏi nên dùng,  
Trầu cau dâng lễ.  
Chỉ lòng *thủy chung*.

- **Bài hát.**

### **Em Yêu Ai ?**

Nếu hỏi rằng: Em yêu ai?  
Thì em rằng: Em yêu Ông nè.  
Thì em rằng: Em yêu Bà nè.  
Bác, Dì, Cậu, Cô, yêu hết họ hàng....  
Nhưng nhất là yêu Bà cơ.

**Hùng Lân**  
(xem tiếp trang 44)

- **Giải nghĩa.**

- **Đoàn kết:** Gắn bó với nhau thành một nhóm và hoạt động với cùng một mục đích.
- **Thủy chung:** Trước sau như một, không thay đổi.

***Con hơn cha  
là nhà có phúc.***

\* Bài đọc thêm ở cuối sách.

## BÀI TÁM

### Ôn bài năm.

#### • Tập đọc có vần:

<b>oi</b>	<b>ôi</b>	<b>ơ</b>
Ba nói học giỏi thì khỏi sợ đói. Bé coi con voi có vôi.	Ông nội ngồi dậy đội mũ đi hội. Xa xôi chờ chổi nguồn cội.	Trời cao sao rơi khắp nơi. Lời nói thức thời cho đời phấn khởi.

#### • Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **oi** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôi** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ơ** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

- Đặt câu.

bé coi: .....

ông nội: .....

bơi giỏi: .....

## Ôn bài sáu.

### • Tập đọc có vần:

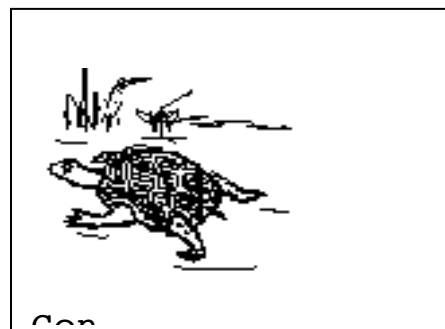
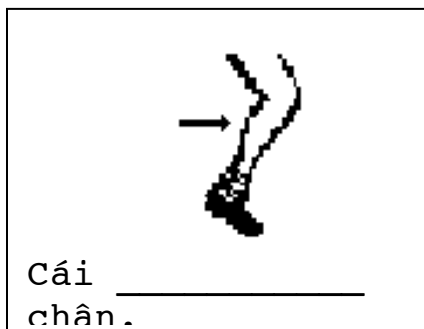
om	ôm	ơ
Cụ già lom khom chăm nom khóm trúc. Dòm ngó mồm chó đen ngòm.	Hôm nay bé ốm bà ôm. Chiều hôm gió nồm, ngồi xồm, ăn cốm.	Tóc Bờm lởm chởm dị hợm. Nồi cơm chín thơm, đơm cơm cho sớm.

### • Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **om** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôm** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ơ** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

### • Câu đố:

1. Lưng đằng trước bụng đằng sau,  
Hai mắt bên dưới, cái đầu ở trên.  
Đố là cái gì ?
2. Con gì áo giáp che thân,  
Tính hay e thẹn, đầu chân thụt thò.  
Đố là con gì ?



## Ôn bài bảy.

### • Tập đọc có vần:

<b>on</b>	<b>ôn</b>	<b>ơn</b>
Trẻ con lon ton đón mẹ. Có con chim non vẫn còn véo von.	Ra chôn phồn hoa bôn ba bận rộn. Nhớ chôn nông thôn từ tởn.	Bạn Sơn hớn hở đùa giỡn. Con lợn của Sơn to lớn hơn cả.

### • Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **on** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôn** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ơn** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Đặt câu.

con cò : .....

bận rộn : .....

sơn nhà : .....



- **Tập đọc - Chính tả.**

### Mưa lớn

Hôm nay trời oi ả khác lạ. Báo hiệu sắp có cơn mưa lớn. Mây kéo về đen ngịt. Cả bầu trời tối om như ban đêm. Mưa bắt đầu rơi ***lác đác*** rồi ào ào như thác đổ. Sấm nổ rền, chớp chói lòa làm trẻ con sợ hãi. Sau cơn mưa, cây cối như được tắm gội sạch sẽ. Khí trời mát mẻ trở lại.

- **Bài tập.**

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **oi, ôi, ời**.
- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **om, on, ơn**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

.....

.....

- **Địa lí.**

### Khí Hậu Việt Nam

Nước Việt Nam ở vùng nhiệt đới nên có ***khí hậu*** nóng và ẩm thấp. Nhờ hai phía giáp biển nên mùa nóng không nóng quá, mùa lạnh không lạnh quá.

(xem tiếp trang 48)

- **Giải nghĩa.**

- ***Lác đác***: Thưa thớt, ít ỏi. - ***Khí hậu***: Tình hình chung về thời tiết của một vùng.

***Nước chảy đá mòn.***

# Kì thi giữa khóa

## Bài thi mẫu cấp 4

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong những tuần lễ vừa qua.

### I- Chính tả (40 điểm).

Viết một trong hai bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả" do thầy cô chỉ định trước cho các em ôn thi.

- Câu hỏi:

- Tìm và gạch dưới từ có vần ..... trong bài chính tả.  
(Chọn bài có từ 5 đến 6 vần như: êu, oc, ơn . . .)

- Chép lại những từ vừa tìm có vần đúng như trong bài.

.....  
.....

### II- Viết lại cho đúng chính tả (8 điểm).

Viết lại cho đúng chính tả 8 câu có từ viết sai.  
(Tìm những câu có từ viết sai từ bài 1 đến bài 8)

Thí dụ:

Tôi đến mèo hay leo chèo.

1. Tôi đến mèo hay leo trèo

2. ....

3. ....

4. ....

.....

9. ....

### III- Điền vào chỗ trống. (10 điểm).

Chọn 4 hay 5 từ để điền vào chỗ trống theo bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả".

Thí dụ:

leo trèo, thiu, nhỏ, meo meo.

Con Mèo Nhà Em

Con mèo nhà em còn ..... Nó thiu ..... ngủ cả ngày. Tối đến nó hay .....

Lũ chuột rất sợ mỗi khi nghe mèo kêu .....

### IV- Học thuộc lòng (20 điểm).

Chép lại một trong hai bài Học Thuộc Lòng đã được thầy cô chỉ định trước.

Đề bài 1: .....

Đề bài 2: .....

### V- Đặt câu (10 điểm).

Chọn 3 từ để cho các em đặt một câu ngắn với những từ ấy.

(Chọn các từ trong bài số 1 đến 8)

Thí dụ:

- Đi chợ.

Hôm nay, em theo mẹ **đi chợ** mua trái cây.

1- .....  
.....

2- .....  
.....

3- .....  
.....

**VI- Địa lí (6 điểm).**

Chọn một bài hay một đoạn địa lí để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 2 hoặc 3 câu hỏi.

Thí dụ:

Việt Nam

Nước Việt Nam hình cong như chữ S, có ba thành phố lớn là: Hà Nội, Huế và Sài Gòn.

- Câu hỏi:

1. Kể tên những thành phố lớn của nước Việt Nam ?
2. .... ?
3. .... ?

**VII- Việt sử (6 điểm).**

Chọn một bài hay một đoạn Việt sử để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 2 hoặc 3 câu hỏi.

Thí dụ:

Con Rồng Cháu Tiên  
..... Sinh ra trăm trứng.  
Ơn trời cho nở,  
Trăm con sơn sơn.  
Năm mươi con thơ,  
Theo mẹ lên non .....

- Câu hỏi:

1. Mẹ Âu Cơ sinh ra bao nhiêu con ?
2. .... ?
3. .... ?

# BÀI CHÍN

- **Vần:**                      **op**                      **ôp**                      **ơp**  
*Phát âm:*                      *o-pờ-op*                      *ô-pờ-ôp*                      *ơ-pờ-ơp*



Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ (tiếng) Phụ âm / Vần
o + p = op	cái bóp ( <i>cờ-ai-cai-sắc-cái bờ-op-bop-sắc-bóp</i> )
ô + p = ôp	nộp đơn ( <i>nờ-ôp-nôp-nặng-nộp đờ-on-đơn</i> )
ơ + p = ơp	lớp hai ( <i>lờ-op-lop-sắc-lóp hồ-ai-hai</i> )

## • Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

### cái bóp - nộp đơn

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ái    óp</p>  <p>Mẹ cho bé _____</p>	<p>ôp    ọc</p>  <p>Em _____ xin học</p>
--	--

• **Em ráp vần.**

<b>đ + ôp</b>		<b>đốp</b> <i>(đờ-ôp-đốp-sắc-đốp)</i>	<b>độp</b> <i>(đờ-ôp-đốp-nặng-độp)</i>
h		hốp	hộp
l		lốp	lộp
x		xốp	xộp

<b>h + ơp</b>		<b>hớp</b> <i>(hờ-ơp-hớp-sắc-hớp)</i>	<b>hợp</b> <i>(hờ-ơp-hợp-nặng-hợp)</i>
l		lớp	lợp
n		nớp	nợp
ch		chớp	chợp

• **Bài tập.**

<b>Em đọc câu đặt sẵn:</b>	<b>Em tập đặt câu bằng miệng:</b>
Ba leo lên <b>chóp</b> núi. Xe bác bị bể <b>lốp</b> . Em sẽ học <b>lớp</b> bốn.	... hội hợp ... ... ngộp thờ ... ... sấm chớp ...



• **Tập đọc.**

## Sấm Chớp

Hôm qua trời mưa lớn, có sấm chớp. Em ngồi ở lớp học nghe mưa rơi lộp độp trên mái ngói. Gió thổi mạnh, mái ngói bị **đột**. Vài lớp phải dời qua phòng khác.

• **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **op, ôp, ơp** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **op, ôp, ơp** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

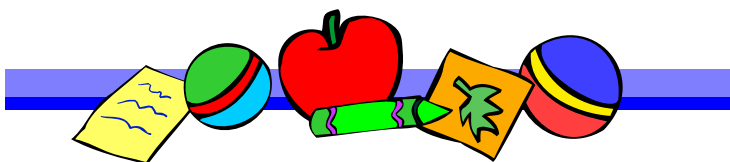
\_\_\_\_\_

.....

\_\_\_\_\_

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Em ..... đơn xin học. Em sẽ học ..... bốn. Mẹ cho bé cái ..... Ba leo lên ..... núi. Xe bác bị bể .....	..... ..... ..... ..... .....



- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Hôm qua <u>chời</u> mưa lớn. Mưa rơi <u>lop đop</u> trên mái nhà. Mái ngói bị <u>giột</u> . Lớp em phải <u>giời</u> đi.	..... ..... ..... .....

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Sấm Chớp" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

### Lớp Bốn

Em đang học lớp bốn.  
Cô giáo em từ tôn.  
Dạy chúng em học bài.  
Cho làm bài tại lớp.  
Em gắng mau kịp **nộp**.  
Cô góp bài nhanh nhanh.

- **Giải nghĩa.**

- **Dột:** Bị nước chảy vào nhà qua lỗ thủng hoặc kẽ hở trên mái nhà. - **Nộp:** Đưa cho.

***Góp gió thành bão.***



## BÀI MƯỜI

- **Vần:**                      **ot**                      **ôt**                      **ơt**  
*Phát âm:*                      *o-tờ-ot*                      *ô-tờ-ôt*                      *ơ-tờ-ơt*



Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
o + t = ot	gót chân ( <i>gờ-ot-got-sắc-gót</i> <i>chờ-ân-chân</i> )
ô + t = ôt	bạn tốt ( <i>bờ-an-ban-nặng-bạn</i> <i>tờ-ôt-tôt-sắc-tốt</i> )
ơ + t = ơt	hót tóc ( <i>hờ-ơt-hot-sắc-hót</i> <i>tờ-ơc-toc-sắc-tóc</i> )

### • Bài tập.

- Em hãy chọn từ có vần dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

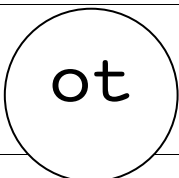
#### **bạn tốt - hót tóc**

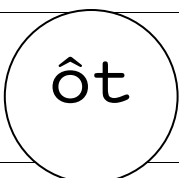
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ơn    ốt</p>  <p>Son là _____</p>	<p>ốt    óc</p>  <p>Bố _____ cho em.</p>
---	--

•

• Em ráp vần.

<b>g + ot</b>		<b>gót</b> (gờ-ot-sắc-gót)	<b>gọt</b> (gờ-ot-got-nặng-gọt)
v		vót	vọt
ch		chót	chọt
ng		ngót	ngọt

<b>c + ôt</b>		<b>cốt</b> (cờ-ôt-côt-sắc-cốt)	<b>cột</b> (cờ-ôt-côt-nặng-cột)
h		hót	hột
ch		chốt	chột
nh		nhót	nhột

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
<b>G</b> ót chân bé đỏ hỏn. Cô bạn em rất <b>t</b> ốt. Mùa thu lá thưa <b>th</b> ót.	... chim hót ... ... trụ cột ... ... cái vọt ...



• **Tập đọc.**

**Vườn Sau**

Vườn sau có chim hót.  
**Chót vót** trên ngọn cây.  
 Máy cây cà **sai trái**.  
 Khóm cà rốt xinh thay!  
 Và đây vài bụi ớt.  
 Trái chín đỏ xum xuê.  
 Mỗi khi tan học về.  
 Em ra vườn chăm sóc.

• **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ot, ôt, ơt** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ot, ôt, ơt** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

---

.....

---

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Cô bạn em rất .....	.....
Sơn là bạn .....	.....
Mùa thu lá thưa .....	.....
Bố ..... tóc cho Tâm.	.....
..... chân bé đỏ hồng.	.....

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Vườn sau có <u>trim</u> hót. Khóm cà rốt <u>sinh</u> thay! Và đây <u>dài</u> bụi <u>ốt</u> . Em ra vườn <u>trăm xác</u> . Mấy hàng cà <u>xai chái</u> .	..... ..... ..... ..... .....

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Vườn Sau" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

### Bạn Tốt

Trời thu mây xám nhạt.  
Tùng đợt gió thổi qua.  
Lá vàng rơi *lả tả*.  
Mưa rơi rơi từng hột.  
Bạn tốt che dù nhau.  
*Ngọt bùi* cùng chia sót.

- **Giải nghĩa.**

- **Chót vót:** Cao vút, vượt khỏi mọi vật. - **Sai trái:** Có nhiều trái. - **Lả tả:** Rơi xuống nhiều và liên tiếp. - **Ngọt bùi:** Có được lúc sung sướng, hạnh phúc.

***Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.***

# BÀI MƯỜI MỘT

- **Vần:**                      **ua**                      **ưa**                      **uc**                      **ưc**  
*Phát âm:*                      *u-a-ua*                      *ư-a-ưa*                      *u-cờ-uc*                      *ư-cờ-ưc*


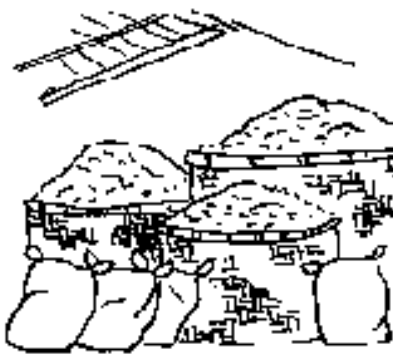
Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
u + a = ua	lúa gạo ( <i>lờ-ua-lua-sắc-lúa gờ-ao-gao-nặng-gạo</i> )
ư + a = ưa	cây dừa ( <i>cờ-ây-cây dờ-ưa-dừa-huyền-dừa</i> )
u + c = uc	hoa cúc ( <i>hờ-oa-hoa cờ-uc-cuc-sắc-cúc</i> )
ư + c = ưc	thức ăn ( <i>thờ-ưc-thưc-sắc-thức á-nờ-ăn</i> )

## • Bài tập.

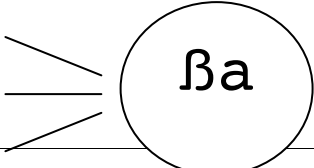
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

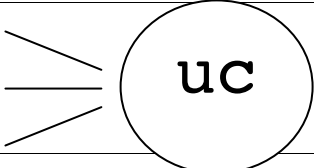
### Cây dừa - Lúa gạo

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ừa ật</p>  <p>_____ thật cao.</p>	<p>úa ầy</p>  <p>_____ đầy kho.</p>
---	---

• Em ráp vần.

<b>b + ưa</b>		<b>bừa</b> <i>(bờ-ưa-bừa-huyền-bừa)</i>	<b>bữa</b> <i>(bờ-ưa-bừa-ngã-bữa)</i>
s		sử	sữa
ch		chưa	chữa
ng		ngừa	ngựa

<b>đ + uc</b>		<b>đúc</b> <i>(đờ-uc-đúc-sắc-đúc)</i>	<b>đục</b> <i>(đờ-uc-đục-nặng-đục)</i>
m		múc	mục
ph		phúc	phục
tr		trúc	trục

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
<p>Em bé sợ con <b>cu</b>a.</p> <p>Má <b>đ</b>ưa em đi học.</p> <p>Hoa <b>c</b>úc nở thơm <b>ph</b>úc.</p> <p>Phải làm hết sức <b>l</b>ực.</p>	<p>... con rùa ...</p> <p>... dưa chua ...</p> <p>... thể dục ...</p> <p>... thức ăn ...</p>



• **Tập đọc.**

**Phải Gắng Sức**

Học hành phải gắng sức.  
 Đừng phí sức đi chơi.  
 Khi thời gian qua rồi.  
 Khó lòng mua chuộc lại.  
 Hãy nhớ tấm gương xưa.  
 Thỏ mà chạy thua rùa.  
 Vì thỏ không gắng sức.

• **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ua, ưa, uc** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ua, ưa, uc** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

---

.....

---

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Phải làm hết . . . . . lực.	.....
Cây . . . . . thật cao.	.....
Bé sợ con . . . . .	.....
. . . . . gạo đầy kho.	.....
Hoa . . . nở thơm phức.	.....

- **Việt sử.**

### **Bánh Chung Bánh Dầy \***

Vua Hùng thứ sáu.  
Con cháu thật nhiều.  
Con út Tiết Liêu,  
Trọng điều *nhân nghĩa*.  
Nhân mùa Tết đến,  
Làm bánh dâng vua.

(xem tiếp trang 60)

- **Bài hát.**

### **Em Yêu Ai ?**

Nếu hỏi rằng: Em yêu ai?  
Thì em rằng: Yêu Quê Hương nè.  
Thì em rằng: Yêu mái trường nè.  
Yêu Thầy, yêu Cô, yêu hết cả trường....  
Nhưng nhất là Cô giáo cơ!

Hùng Lân

- **Giải nghĩa.**

- *Nhân nghĩa*: Lòng thương người và yêu chuộng lẽ phải.

***Có đức mặc sức mà ăn.***

\* Bài đọc thêm ở cuối sách.



## BÀI MƯỜI HAI

### Ôn bài chín.

#### • Tập đọc có vần:

<b>op</b>	<b>ôp</b>	<b>ơp</b>
Cọp ở chóp núi thoi thóp. Cả xóm tập hợp bắt cốp.	Nhà hộp ngộ thờ. Lốp xe nổ bốp. Mưa rơi lộp độp.	Sấm chớp cả lớp sợ khốp. Cả xóm lộp nhà bác Hốp.

#### • Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **op** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôp** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ơp** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Đặt câu.

cốp sở thú: .....

sấm chớp: .....

lốp xe: .....

## Ôn bài mười.

### • Tập đọc có vần:

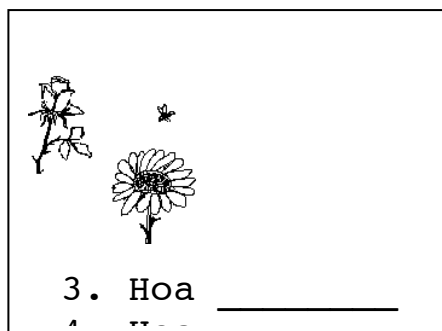
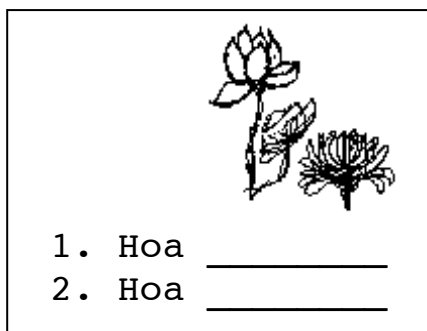
ot	ôt	ơt
Mẹ gọt cam ngọt trái chót. Chót vót đọt cây chim hót thánh thót.	Bột là bạn tốt bị sốt đọt ngọt. Tâm nhai cà rốt sốt sốt.	Hái bớt ớt chín tùng đọt. Chợt nghe một đọt bão rớt vừa ngọt.

### • Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ot** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôt** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ơt** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

### • Câu đố:

1. Hoa gì sống cạnh bùn nhơ?
2. Hoa gì báo hiệu đến giờ thu sang?
3. Hoa gì theo ánh mặt trời?
4. Hoa gì tươi đẹp đồng thời lắm gai?



## Ôn bài mười một.

### • Tập đọc có vần:

<b>ua</b>	<b>ưa</b>	<b>uc</b>	<b>ưc</b>
Chó sủa đùa giỡn con cua con rùa. Ông vua già nua đi chùa.	Ngày mưa bé ưa ngủ trưa. Cây dừa vừa mọc lá dừa lừa thừa.	Bà Phúc mua chục chậu cúc. Cô Trúc lục đục cưa khúc củ mục.	Gặp việc phiền phức nhức đầu. Trời hè nóng bức bực bội hết sức.

### • Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ua** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ưa** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **uc** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ưc** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Đặt câu.

chó sủa : .....

trái dừa : .....

chậu cúc : .....

hết sức : .....

- **Tập đọc - Chính tả.**

### **Đàn Chim Việt**

Còn một tuần lễ nữa thì vừa hết khóa học.

Các em chăm chỉ đến lớp. Đua chen với bạn bè tập đọc, tập viết và nói tiếng mẹ đẻ. Ríu rít như chim, các em là nguồn vui, hạnh phúc của mẹ cha. Thầy cô chia sẻ niềm vui *cao quý* này.

Hẹn ngày gặp lại đàn chim Việt mến yêu.

- **Bài tập.**

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ơp, ôp**.
  - Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ua, ưa, uc**.
  - Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:
- =====
- =====

- **Địa lí.**

### **Khí Hậu Việt Nam**

Nước Việt Nam có hai vùng khí hậu khác nhau:

Một nửa nước về phía Bắc có bốn mùa là Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Còn nửa nước về phía Nam có hai mùa rõ rệt là mùa nắng và mùa mưa.

- **Giải nghĩa.**

- *Cao quý: Có giá trị và ý nghĩa lớn lao, đáng quý trọng.*

***Của rề rề không bằng  
một nghề trong tay.***

## BÀI MƯỜI BA

- **Vần:**                      **ui**                      **ưi**                      **uy**  
*Phát âm:*                      *u-i-ui*                      *ư-i-ưi*                      *u-i-cờ-rét-uy*



Nguyên âm Nguyên âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
u + i = ui	ủi áo ( <i>u-i-ui-hỏi-ủi a-o-ao-sắc-áo</i> )
ư + i = ưi	gửi thư ( <i>gờ-ưi-gửi-hỏi-gửi thờ-ư-thư</i> )
u + y = uy	khuy áo ( <i>khờ-uy-khuy a-o-ao-sắc-áo</i> )

### • Bài tập.

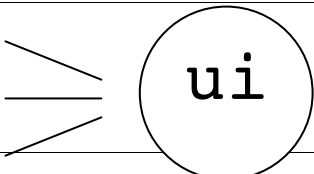
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

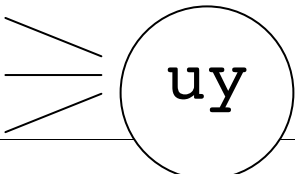
#### **gửi thư - ủi áo**

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ủi áo</p>  <p>Má _____ quần.</p>	<p>ửi ác</p>  <p>Tâm _____ cho bác.</p>
--	---

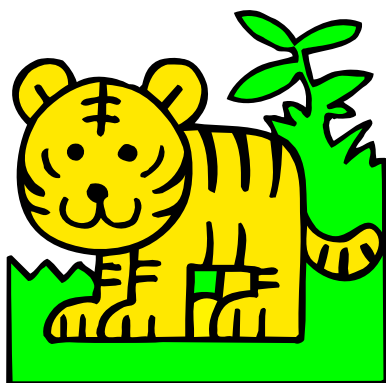
• Em ráp vần.

<b>c + ui</b>		<b>cúi</b> (cờ-ui-cúi-sắc-cúi)	<b>củi</b> (cờ-ui-cúi-hỏi-củi)
m		mùi	mũi
ch		chui	chùi
th		thui	thúi

<b>h + uy</b>		<b>huy</b> (hờ-uy-huy)	<b>hủy</b> (hờ-uy-huy-hỏi-hủy)
t		tùy	tủy
kh		khuy	khủy
th		thủy	thủy

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Em bỏ kẹo vào <b>túi</b> . Ba em đi <b>gửi</b> thư. Quê ta có <b>lũy</b> tre.	... lau chùi ... ... gửi mùi ... ... thùy mị ...



• **Tập đọc.**

**Má Em**

Tuy bận đi làm, má em vẫn vui vẻ, **cặm cùi** lau chùi bàn ghế, nhà cửa. Má giặt ủi quần áo. Trên bàn thờ má bày hoa thủy tiên, hoa cúc. Vào nhà em ngửi thấy mùi thơm **sực nức**.

• **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ui, uri, uy** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ui, uri, uy** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Quê ta có ..... tre. Tâm ..... thư cho bác. Ba em đi ..... thư. Má em ..... áo quần. Em bỏ kẹo vào ..... Má em lau. . . . nhà cửa.	..... ..... ..... ..... ..... .....



- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Má <u>dắt</u> ủi quần áo. Má bày hoa <u>thĩ</u> tiên. Má em <u>dui dễ</u> làm việc. Em ngửi thấy <u>muôi thơm</u> .	..... ..... ..... .....

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Má Em" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng.**

### Gửi Thư

Tuy ở xa quê nhà,  
Ba luôn gửi thư qua,  
Thăm nội ngoại ông bà.  
Mỗi lần được thư lại,  
Ba má mừng **thiết tha**.  
Cả nhà đều mạnh giỏi,  
An vui và **thuận hòa**.

- **Giải nghĩa.**

- **Cặm cùi:** Chăm chú làm việc gì. - **Sức nức:** Xông lên rất mạnh và tỏa ra khắp nơi.  
- **Thiết tha:** Có tình cảm sâu sắc, gắn bó. - **Thuận hòa:** Êm ả, không cãi cọ.

***Miệng ăn núi lở.***



# BÀI MƯỜI BỐN

- Vần:** **um** **un** **uê**  
*Phát âm:* *u-mờ-um* *u-nờ-un* *u-ê-uê*


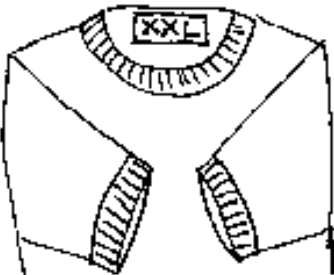
Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
u + m = um	tôm hùm ( <i>tờ-ôm-tôm</i> <i>hờ-um-hum-huyền-hùm</i> )
u + n = un	áo thun ( <i>a-o-ao-sắc-áo</i> <i>thờ-un-thun</i> )
u + ê = uê	thuê xe ( <i>thờ-uê-thuê</i> <i>xờ-e-xe</i> )

## • Bài tập.

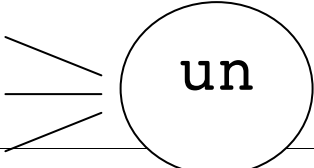
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

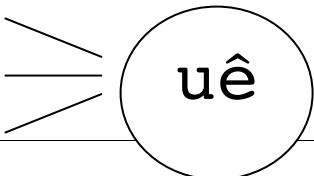
### Áo thun - tôm hùm

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

<p>ót ùm</p>  <p>Vớt con _____.</p>	<p>un ón</p>  <p>_____ cỡ lớn.</p>
--	--

• Em ráp vần.

<b>b + un</b>		<b>bún</b> <i>(bờ-un-bun-sắc-bún)</i>	<b>bủn</b> <i>(bờ-un-bun-hỏi-bủn)</i>
l		lún	lủn
r		run	rủn
nh		nhún	nhủn

<b>h + uê</b>		<b>huê</b> <i>(hờ-uê-huê-huyền-huê)</i>	<b>huệ</b> <i>(hờ-uê-huê-nặng-huệ)</i>
t		tuê	tuệ
x		xuê	xuệ
th		thuê	thuệ

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Bà cho em <b>chùm</b> nho. Bà ăn <b>bún</b> bò Huế. Ba <b>thuê</b> xe <b>Huê</b> Kỳ.	... lùm cây ... ... lún sâu ... ... hoa huệ ...



• **Tập đọc.**

**Chú Lùn**

Ở quê em có chú lùn. Chú cầm con dao cùn đi vào bụi rậm **um tùm** để đốn củi đun bếp. Rủi ro chú dẫm vào bùn, bị lún. Chú kêu cứu **um sùm**.

• **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **um, un, uê** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **um, un, uê** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

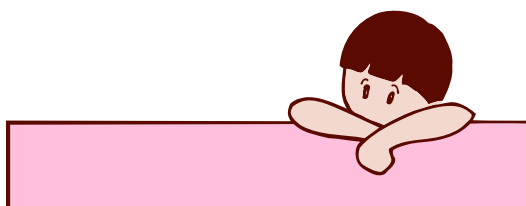
---

.....

---

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Áo ..... cỡ lớn. Bà cho em ..... nho. Vớt con tôm ..... Ba ..... xe hơi. Bà ăn ..... bò Huế. Chú ..... bị lún bùn.	..... ..... ..... ..... ..... .....



- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Chú <u>nùn</u> ở quê em. Chú có <u>giao</u> cùn đồn củi. Chú lùn bị <u>nún</u> . Chú kêu <u>kừu</u> om sòm. Chú đồn củi <u>đung</u> bếp.	..... ..... ..... ..... .....

### • Chính tả.

Thầy cô đọc bài "Chú Lùn" cho các em viết chính tả.

### • Học thuộc lòng.

#### Ở Quê

Bà em sống ở quê.  
 Có cây cối **xum xuê**.  
 Hoa lan và hoa huệ.  
 Bốn mùa tươi sắc khoe.  
 Bà vun trồng rau quế.  
 Rau diếp lá um tùm.  
 Bí và bầu xanh mướt.  
 Thăm vườn em rất mê.

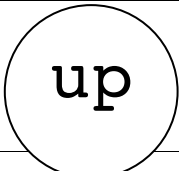
### • Giải nghĩa.

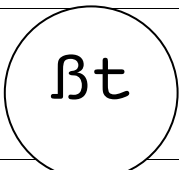
- **Um tùm:** Rậm rạp, sum sê. - **Um sòm:** Om sòm. - **Xum Xuê:** Có nhiều cành lá rậm rạp, tươi tốt.

***Làm phúc được phúc.***



• Em ráp vần.

<b>b + up</b>		<b>búp</b> <i>(bờ-up-búp-sắc-búp)</i>	<b>bụp</b> <i>(bờ-up-búp-nặng-bụp)</i>
c		cúp	cụp
x		xúp	xụp
ng		ngúp	ngụp

<b>s + ưt</b>		<b>sút</b> <i>(sờ-ưt-sút-sắc-sút)</i>	<b>sứt</b> <i>(sờ-ưt-sứt-nặng-sứt)</i>
b		bút	bứt
n		nút	
ph		phút	phứt

• Bài tập.

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Ao nhà có <b>búp</b> sen. Chú Tư <b>hút</b> bụi xe. Tủ gỗ bị <b>nứt</b> nẻ.	. . . tô xúp . . . . . . bút chì . . . . . . kẹo mút . . .



• **Tập đọc.**

## Đi Cắm Trại

Chủ Nhật vừa qua, lớp em đi cắm trại. Chúng em nô nức trèo lên ngọn đồi xa ***hun hút***. Lớp em dựng được bốn túp lều ***lụp xụp***. Chị Mai đốn củi đun bếp bị đứt tay. Các bạn vui vẻ phụ nấu ăn. Tuy xa nhà nhưng em không cảm thấy thiếu hụt gì cả. Bữa ăn trưa ở trại thật là ***thú vị***.

• **Bài tập.**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **up, ut, ưt** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **up, ut, ưt** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Ao nhà có ..... sen. ..... sen đầy hồ. Chú Tư ..... bụi xe. Dì Út gọt ..... chì. Tủ gỗ bị ..... nẻ.	..... ..... ..... ..... .....

- **Viết sử.**

### **Bánh Chung Bánh Dầy \***

Bánh vuông hình đất,  
Vua gọi bánh chung.  
Bánh tròn hình trời,  
Vua gọi bánh dầy.  
Bày tỏ lòng ngay.  
Công ơn tiên tổ,  
Ví như đất trời.

- **Bài hát.**

### **Thằng Cuội**

Bóng trắng trắng ngà.  
Có cây đa to.  
Có thằng Cuội già ôm một mối mơ.  
Lặng yên ta nói Cuội nghe:  
"Ở cung trăng mãi làm chi".  
Bóng trắng trắng ngà.  
Có cây đa to.  
Có thằng Cuội già ôm một mối mơ.

Lê Thương

- **Giải nghĩa:**

- **Hun hút:** Thật dài và sâu. - **Lụp xụp:** Thấp bé, tồi tàn và xấu xí. - **Thú vị:** Làm cho ta vui thích.

***Tay đứt, ruột xót.***

\* Bài đọc thêm ở cuối sách.



## BÀI MƯỜI SÁU

### Ôn bài mười ba.

#### • Tập đọc có vần:

ui	ưi	uy
Bé Vui, Bác Mùi gặp xui ăn múi cam thúi. Khúc củi đen thui.	Đi thưa về gửi. Tai nghe mũi ngửi. Khung cửi dệt vải.	Bé Thù tuy nhỏ đã quý quy y. Bác Dục say rượu túy lúy.

#### • Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ui** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ưi** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **uy** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

- Em trả lời câu hỏi theo bài ôn ở trên:

1- Bác Mùi gặp xui như thế nào ?

.....

2- Củi đốt thành than có màu gì ?

.....

3- Cam hư nhũn, gọi là cam gì ?

.....

4- Say lúy túy nghĩa là gì ?

.....

## Ôn bài mười bốn.

### • Tập đọc có vần:

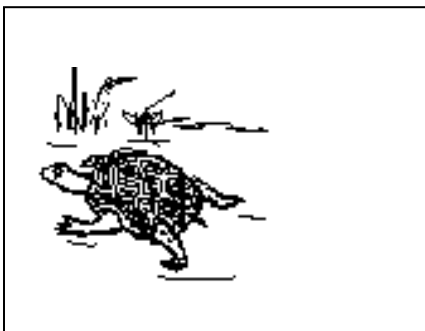
um	un	uê
Chùm chân nhảy chũm ùm ùm sụm tay. Lùm cây tùm lại um tùm.	Mèo mun ăn bún lăn thun bùn rùn. Dao cùn đào giun ở bùn.	Bác Huê về quê mua huệ và quế. Thuê xe ở Huế có thuế.

### • Bài tập.

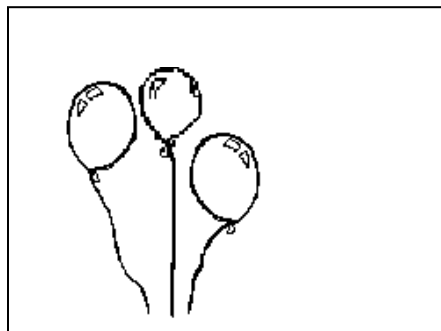
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **um** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **un** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **uê** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

### • Câu đố.

1. Con gì hai số giống nhau,  
Cộng thì được chẵn,  
trừ thì bằng không.  
Đố là con gì ?



2. Quả gì không ở cây nào,  
Không chân, không cánh,  
bay cao, chạy dài.  
Đố là quả gì ?



## Ôn bài mười lăm.

### • Tập đọc có vần:

<b>up</b>	<b>ut</b>	<b>urt</b>
Túp lều lụp xụp sụp sụp. Úp lại chụp đèn búp sen.	Chú Út thậm thụt chăm chút chim cút. Lũ lượ giảm sút chút ít.	Vứt đi chén nứt, sứt mẻ. Cắt đứt đứt tay. Nóng bức bứt rứt.

### • Bài tập.

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **up** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ut** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **urt** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

- Em trả lời câu hỏi theo bài ôn ở trên:

1- Con út là người con nhỏ tuổi hay lớn tuổi nhất trong nhà ?

.....

2- Chén nứt có cùng nghĩa với bát nứt không ?

.....

3- Lụp xụp có nghĩa là to cao hay thấp nhỏ ?

.....

4- Bứt rứt có nghĩa là dễ chịu thoải mái ?

.....

- **Tập đọc - Chính tả.**

## **Tiếng Việt Mến Yêu**

Lớn lên ở Mỹ, em vẫn yêu tiếng Việt.

Này nhé! Tiếng mẹ ru em từ lúc nằm nôi. Ông bà, anh chị *âu yếm* chào đón em sinh ra đời. Bao lời dạy dỗ ngọt ngào hòa với dòng sữa mẹ nuôi em khôn lớn.

Nay học lịch sử, em mới hiểu nguồn gốc của mình. Thật *hãnh diện* cho chúng em là con cháu vua Hùng, nước Văn Lang.

- **Chính tả.**

Thầy cô đọc bài "Tiếng Việt Mến Yêu" cho các em viết chính tả.

- **Viết sử.**

Học ôn bốn bài số: 3, 7, 11 và 15.

- **Địa lí.**

Học ôn ba bài số: 4, 8 và 12.

- **Giải nghĩa.**

- *Âu yếm*: Biểu lộ tình thương dịu dàng bằng cử chỉ, giọng nói. - *Hãnh diện*: Tự hào với cái mình cho là hơn người khác.

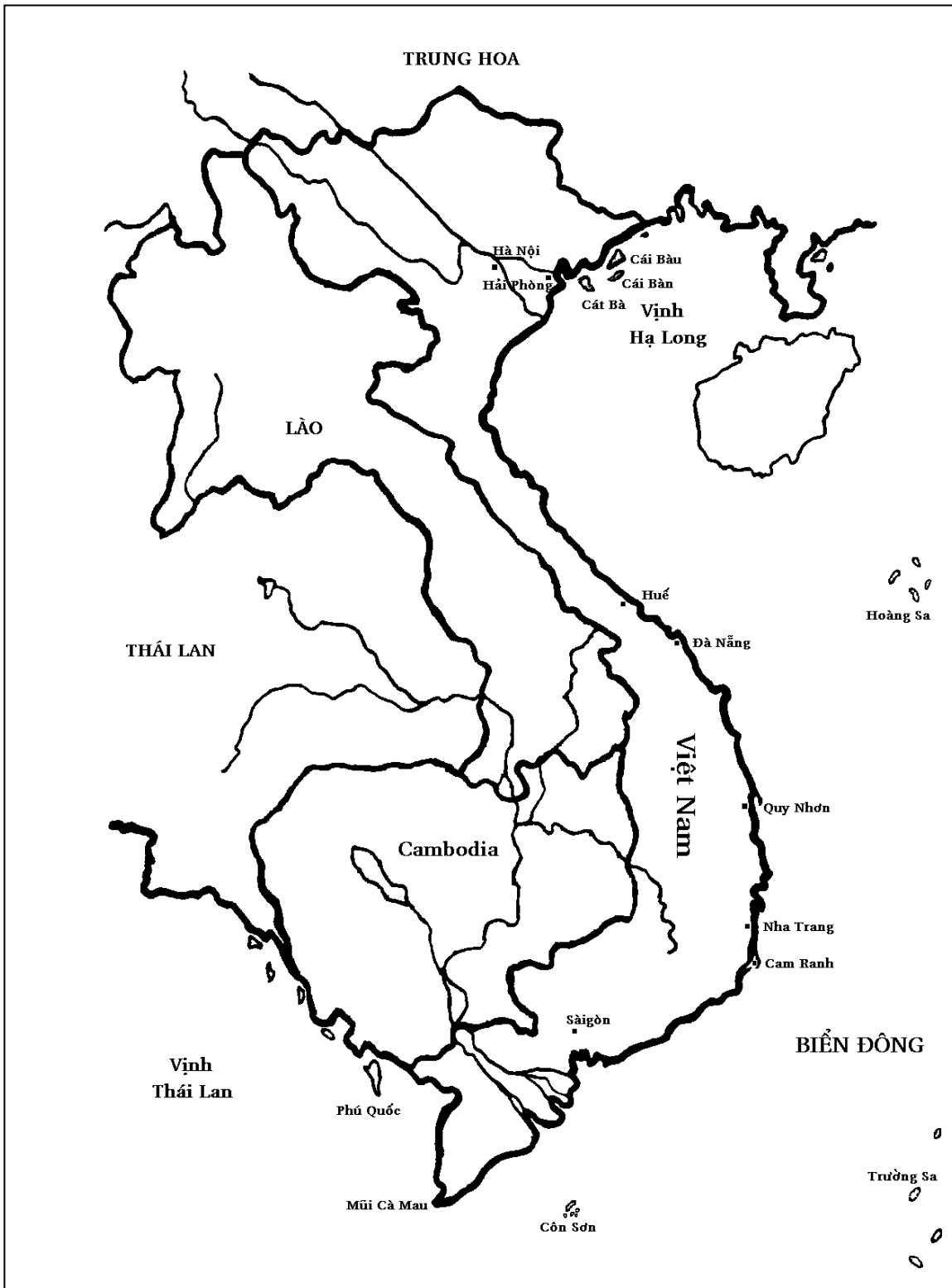
***Tiền rừng, bạc bể.***

• **Đếm Số**

<b>21</b>	hai mươi mốt	<b>60</b>	sáu mươi
<b>22</b>	hai mươi hai	<b>70</b>	bảy mươi
<b>23</b>	hai mươi ba	<b>80</b>	tám mươi
<b>24</b>	hai mươi bốn	<b>90</b>	chín mươi
<b>25</b>	hai mươi lăm	<b>100</b>	một trăm
<b>26</b>	hai mươi sáu		
<b>27</b>	hai mươi bảy		
<b>28</b>	hai mươi tám		
<b>29</b>	hai mươi chín		
<b>30</b>	ba mươi		
<b>40</b>	bốn mươi		
<b>50</b>	năm mươi		



- **Tô màu bản đồ Việt Nam**



# Kì thi cuối khóa

## Bài thi mẫu cấp 4

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong những tuần lễ vừa qua.

### I- Chính tả (40 điểm).

Viết một trong hai bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả" do thầy cô chỉ định trước cho các em ôn thi.

- Câu hỏi:

- Tìm và gạch dưới từ có vần ..... trong bài chính tả.  
(Chọn bài có từ 5 đến 6 vần như: ơp, ot, ui, uê . . .)

- Chép lại những từ vừa tìm có vần đúng như trong bài.

.....  
.....

### II- Viết lại cho đúng chính tả (8 điểm).

Viết lại cho đúng chính tả 8 câu có từ viết sai.  
(Tìm những câu có từ viết sai từ bài 9 đến bài 15)

Thí dụ:

Mấy cây cà chua xai chái.

1. Máy cây cà chua sai trái

2. ....

3. ....

4. ....

.....

9. ....

### III- Điền vào chỗ trống (10 điểm).

Chọn 4 hay 5 từ để điền vào chỗ trống theo bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả".

Thí dụ:

leo trèo, thiu, nhỏ, meo meo.

Con Mèo Nhà Em

Con mèo nhà em còn ..... Nó thiu ..... ngủ cả ngày. Tối đến nó hay .....  
..... Lũ chuột rất sợ mỗi khi nghe mèo kêu .....

### IV- Học thuộc lòng (20 điểm).

Chép lại một trong hai bài Học Thuộc Lòng đã được thầy cô chỉ định trước.

Đề bài 1: .....

Đề bài 2: .....

### V- Đặt câu (10 điểm).

Chọn 3 từ để cho các em đặt một câu ngắn với những từ ấy.  
(Chọn các từ trong bài số 9 đến 15)

Thí dụ:

- Áo thêu.

Ngày Tết, mẹ cho em mặc *áo thêu* rất đẹp.

1. ....

.....

2. ....

.....

3. ....

.....



**VI- Địa lí (6 điểm).**

Chọn một bài hay một đoạn địa lí để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 2 hoặc 3 câu hỏi.

Thí dụ:

Việt Nam

Nước Việt Nam hình cong như chữ S, có ba thành phố lớn là: Hà Nội, Huế và Sài Gòn.

- Câu hỏi:

1. Kể tên những thành phố lớn của nước Việt Nam ?
2. .... ?
3. .... ?

**VII- Việt sử (6 điểm).**

Chọn một bài hay một đoạn Việt sử để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 2 hoặc 3 câu hỏi.

Thí dụ:

Con Rồng Cháu Tiên  
 ..... Sinh ra trăm trứng.  
 Ông trời cho nở,  
 Trăm con sồn sồn.  
 Năm mươi con thơ,  
 Theo mẹ lên non .....

- Câu hỏi:

1. Mẹ Âu Cơ sinh ra bao nhiêu con ?
2. .... ?
3. .... ?

# **BÀI LÀM Ở NHÀ**

## **Cấp 4**

Họ và tên học sinh : \_\_\_\_\_ Phụ huynh kiểm nhận : \_\_\_\_\_

## Bài Làm Ở Nhà # 1

### • **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Con Mèo".
2. Học thuộc lòng: "Mèo Kêu".

### • **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Con Mèo" điền vào chỗ trống:

Con \_\_\_\_\_ nhà em còn nhỏ. Nó thiú \_\_\_\_\_ ngủ cả ngày. Có khi nó hay \_\_\_\_\_ . Lũ chuột rất sợ khi nghe mèo \_\_\_\_\_ meo meo.

### • **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Con Mèo" và bài học thuộc lòng "Mèo Kêu":

- Chuột sợ khi nghe

- ☐ heo kêu ụt ịt.  
☐ gà gáy ò ó o ...  
☐ mèo kêu meo meo!

- Con heo kêu

- ☐ meo meo.  
☐ lúu lo.  
☐ ụt ịt.

- Chim hót

- ☐ ò, ó, o . . .  
☐ meo meo.  
☐ lúu lo.

- **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

con mèo . . . . .

con heo . . . . .

mặc áo thun . . . . .



bé mếu máo . . . . .

thiu thiu . . . . .

ríu rít . . . . .

- **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Con mèo _____ cây.</p>	 <p>Áo thun có _____ số 16</p>
--	---

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **eo    êu    iu.**

Mếu máo

-----  
-----  
-----

Cơm thiêu

-----  
-----  
-----

Kẹo cao su

-----  
-----  
-----

Trèo cao ngã đau

-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

Mẹ chịu khó khâu áo

-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

=====

-----

- **Viết chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Con Mèo".

-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

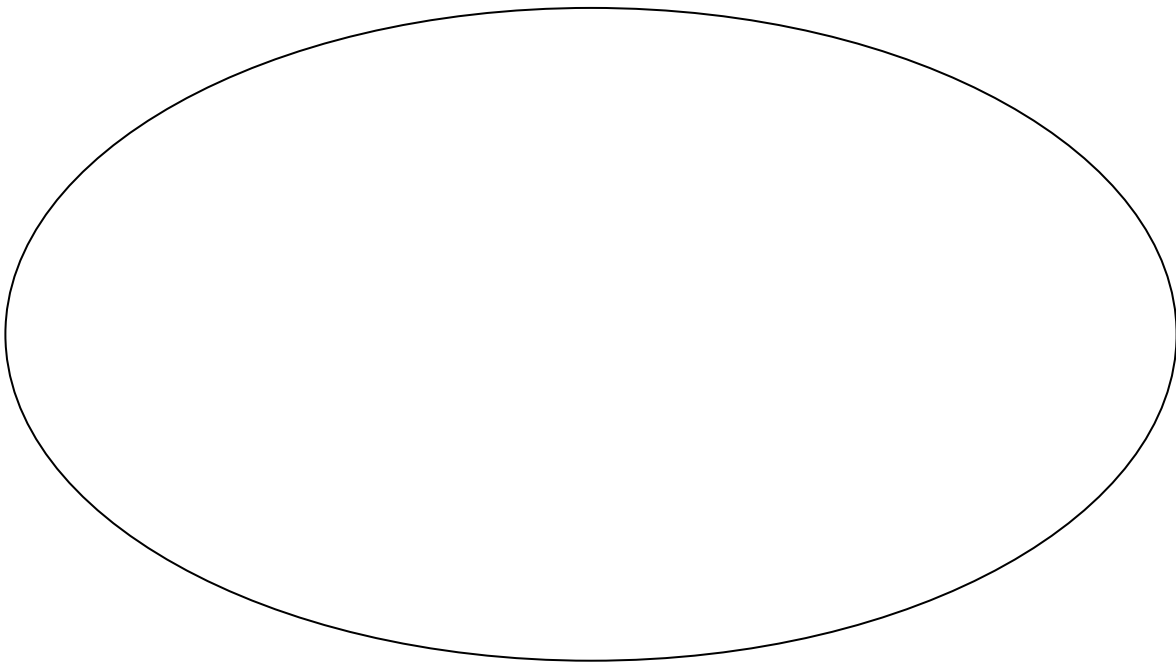
-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

- **Vẽ:**

Con mèo rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : \_\_\_\_\_ Phụ huynh kiểm nhận : \_\_\_\_\_

## **Bài Làm Ở Nhà # 2**

### **• Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Về Quê Chơi".
2. Học thuộc lòng: "Còn Bé".

### **• Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Về Quê Chơi" điền vào chỗ trống:

Ngày hè nghỉ . . . . , bé về quê thăm bà. Lần đầu bé thấy con . . . . .  
 . Nó kêu kéc! kéc! nghe rất vui tai. Bé sợ . . . . thét khi thấy một  
 con . . . . da xù xì nhảy tới. Để đỡ bé nín, bà chỉ cho bé xem con . .  
 . . sên bò trên cây gần đây.

### **• Chép lại câu trong bài.**

Theo bài học thuộc lòng "Còn Bé", em chép lại:

1. Một câu có vần oc

-----  
 -----

2. Một câu có vần ec

-----  
 -----

3. Một câu có vần ôc

-----  
 -----  
 -----

### • Xếp câu.

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới:

1. hay khóc Em còn bé

-----

2. ở Nòng nọc dưới ao

-----

3. con kéc học bài Em



-----

4. bò Ốc sên rất chậm

-----

### • Tìm từ.

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Con _____ kêu kéc kéc.</p>	 <p>Nòng nọc sẽ là con _____</p>
---	--



• **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **ec oc ôc.**

Con kéc

-----  
-----

Tập đọc

-----  
-----

Thợ mộc

-----  
-----

Học trò chăm chỉ

-----  
-----

-----  
-----

Chớ quên nguồn gốc

-----  
-----

-----  
-----

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Về Quê Chơi".

-----  
-----  
-----

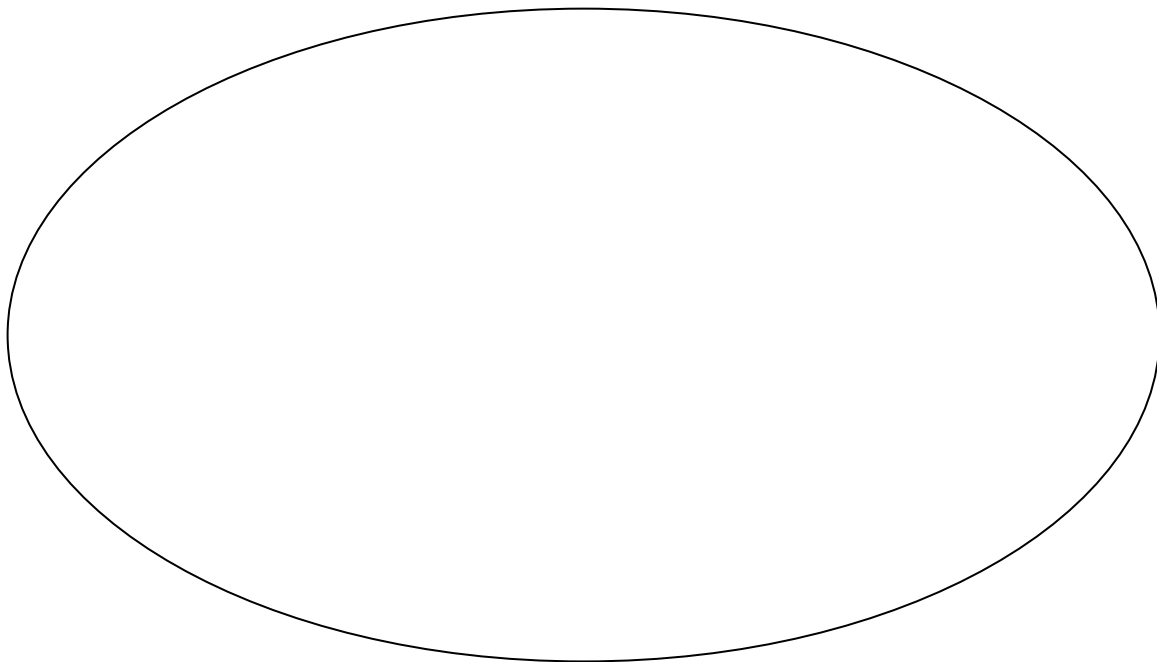
-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

- **Vẽ:**

Con cóc rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : \_\_\_\_\_ Phụ huynh kiểm nhận : \_\_\_\_\_

## Bài Làm Ở Nhà # 3

### • **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Bé Khỏe".
2. Bài hát: "Em Yêu Ai ?".

### • **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Bé Khỏe" điền vào chỗ trống:

Bé rất . . . . . Đôi mắt bé tròn . . . . . Hai má như là . . . . . phần hồng. Coi kìa ! Bé cười . . . . . toét. Mẹ mến bé vì bé ít khi . . . . . nhè.

### • **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Bé Khỏe":

- Bé khỏe thì mẹ

☐ cười.

☐ lo sợ.

☐ vui.

- Đôi mắt bé thì

☐ cười toe.

☐ tròn xoe.

☐ đỏ hoe.

- Coi kìa! Miệng bé

☐ tròn xoe.

☐ thoa phấn.

☐ cười toe toét.

• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

mẹ khỏe .....

thoa phấn .....

kia kia .....

ổ khóa .....

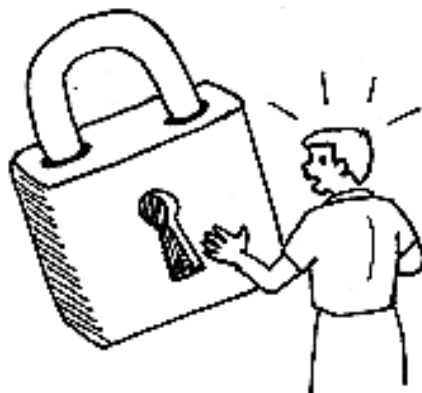
xòe tay .....

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Mẹ vui vì bé \_\_\_\_\_



Ồ \_\_\_\_\_ to quá.

- **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **ia oa oe.**

Cây mía

---

---

---

Ổ khóa

---

---

---

Cá lia thia

---

---

---

Hoa đào đỏ

---

---

---

---

---

---

Mẹ khỏe bé khỏe

---

---

---

---

---

---

---

---

---

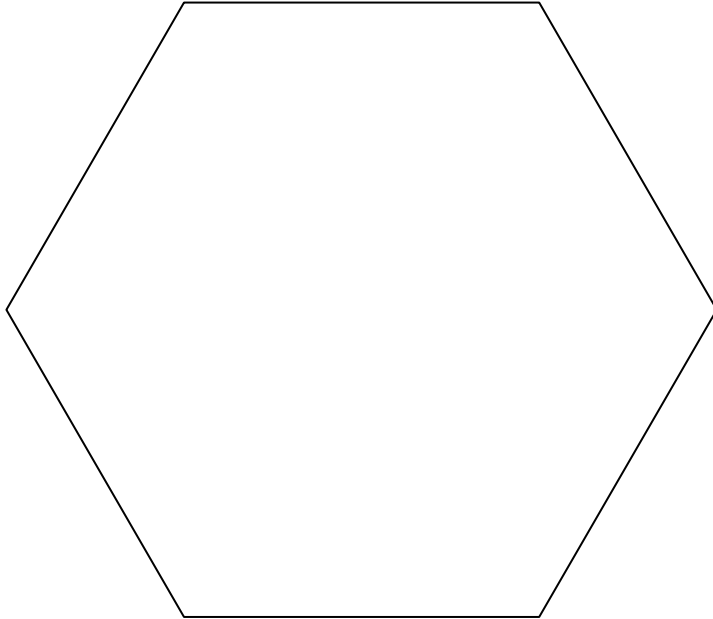
- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Bé Khỏe".

Handwriting practice lines consisting of five sets of three horizontal lines (top solid, middle dashed, bottom solid).

- **Vẽ:**

Hoa hồng đỏ tía rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : \_\_\_\_\_ Phụ huynh kiểm nhận : \_\_\_\_\_

## Bài Làm Ở Nhà # 4

### • **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Bé Khoa".
2. Tập đọc trong những cột có vần: iu, ôc, oe.

### • **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Bé Khoa" điền vào chỗ trống:

Bé Khoa . . . . . mạnh và bụ bẫm. Khoa . . . . . cha dạy chim kéc học nói. Nó . . . . . lo như trẻ nhỏ. Chóc . . . . . nó lại kêu . . . . . kéc. Vào nhà, . . . . . khoe mẹ chim kéc . . . . . được tiếng người.

### • **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Bé Khoa":

- |                    |  |
|--------------------|--|
| - Coi kìa, bé Khoa | <input type="checkbox"/> dạy kéc học nói.<br><input type="checkbox"/> lúu lúu, lo lo.<br><input type="checkbox"/> khỏe mạnh và bụ bẫm. |
| - Chim kéc         | <input type="checkbox"/> lông đen.<br><input type="checkbox"/> mỏ đỏ.<br><input type="checkbox"/> lúu lo.                              |
| - Ba Khoa dạy      | <input type="checkbox"/> Khoa học nói.<br><input type="checkbox"/> chim kéc học nói.<br><input type="checkbox"/> học tiếng người.      |

• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

coi kìa . . . . .

gió lốc . . . . .

học theo . . . . .

gieo hạt cam . . . . .

eng éc . . . . .

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Con mèo \_\_\_\_\_ cây.



Chân \_\_\_\_\_ cao nghều.



- **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **eo oc in oa ia ec.**

Con mèo

-----  
-----  
-----

Ốc sên

=====

Nhỏ xíu

-----  
-----  
-----

Bé Khoa tập đọc

-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

Kìa kéc kêu kéc kéc

-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

=====

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Bé Khoa".

-----  
-----  
-----

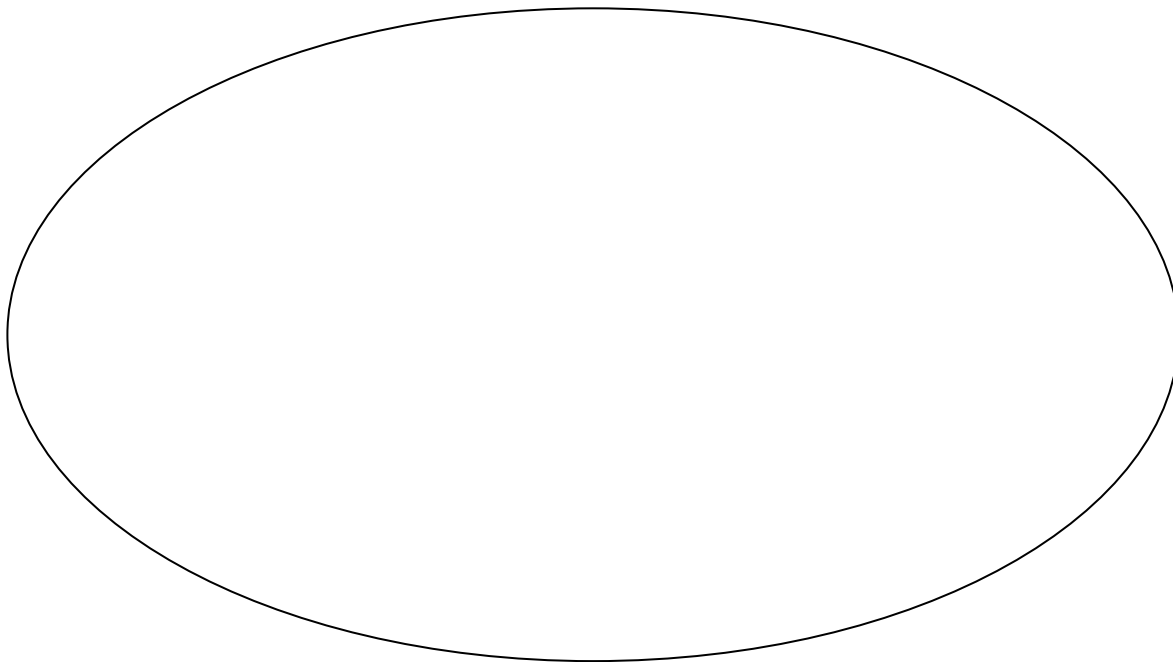
-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

- **Vẽ:**

Con heo rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : \_\_\_\_\_ Phụ huynh kiểm nhận : \_\_\_\_\_

## Bài Làm Ở Nhà # 5

- **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Giờ Ra Chơi".
2. Học thuộc lòng: "Buổi Tối Ở Quê".

- **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Giờ Ra Chơi" điền vào chỗ trống:

Tối giờ ra chơi, có học trò . . . . . đây ở nơi này. Các em khác chạy đua la . . . . . ở nơi kia. Mặt trời chiếu . . . . . Mãi vui đùa, ai nấy quên cả . . . . . ngơi.

- **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng "Buổi Tối Ở Quê":

- |                |   |
|----------------|---|
| - Dế kêu ran   | <input type="checkbox"/> trên đồi.<br><input type="checkbox"/> khắp lối.<br><input type="checkbox"/> khi trời tối.      |
| - Đom đóm bay  | <input type="checkbox"/> nơi tôi ngồi.<br><input type="checkbox"/> khắp lối.<br><input type="checkbox"/> lập lòe.       |
| - Nghe chó sủa | <input type="checkbox"/> nơi tôi ngồi.<br><input type="checkbox"/> như gió thổi.<br><input type="checkbox"/> nơi xa xa. |

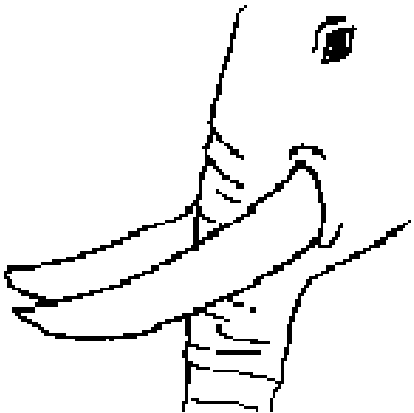
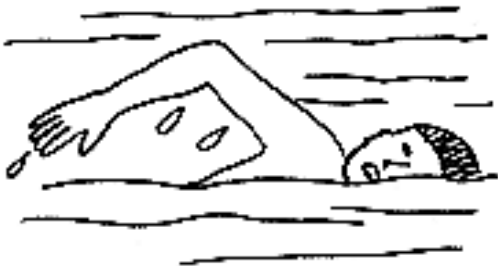
• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

học giỏi .....  
con voi .....  
tôi ngồi .....  
ăn xôi .....  
đi chơi .....  
Khôi bơi lội .....

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Con _____ có ngà to.</p>	 <p>Khôi _____ _____ giỏi.</p>
--	--

• **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **oi ôi ời.**

Bé đói

-----  
-----  
-----

Ăn xôi

-----  
-----  
-----

Nghỉ ngơi

-----  
-----  
-----

Học giỏi có quà

-----  
-----  
-----  
-----  
-----  
-----

Tôi ngồi chơi trên đồi

-----  
-----  
-----  
-----  
-----  
-----  
-----  
-----

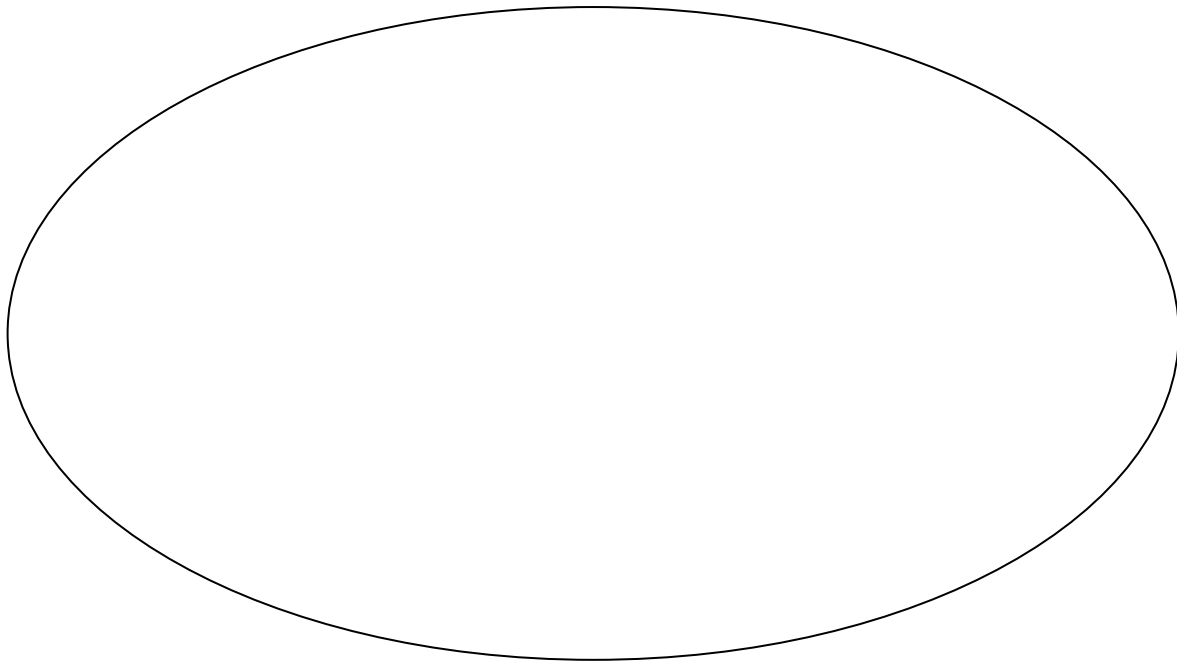
- **Chính tả.**

Chép lại bài học thuộc lòng "Buổi Tối Ở Quê".

Handwriting practice lines consisting of four sets of three horizontal lines (top solid, middle dashed, bottom solid) for copying the text.

- **Vẽ:**

Con chó rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : \_\_\_\_\_ Phụ huynh kiểm nhận : \_\_\_\_\_

## Bài Làm Ở Nhà # 6

### • **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Bà Bị Ốm".
2. Học thuộc lòng: "Ngày Mùa".

### • **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Bà Bị Ốm" điền vào chỗ trống:

Hôm qua bà em bị . . . . . Bà ăn . . . . . rất ít. Sớm hôm mẹ ở nhà chăm . . . . . và đưa bà đi bác sĩ. Em vui mừng bà khỏe trở lại.

### • **Viết đúng chính tả.**

Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Cụ <u>đà</u> cúi lom khom.	.....
Bát <u>kơm</u> nếp <u>deo</u> .	.....
Bé <u>trơi</u> om sòm.	.....
Mẹ <u>trăm</u> nom bà.	.....

## • Xếp câu.

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

1. Hôm qua      bị ốm      bà

-----  
-----

2. trái mít      quá thơm      Mẹ mua



-----  
-----

3. thật sớm      dậy      Mẹ em

-----  
-----

## • Tìm từ

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ

 <p>Hôm qua bà bị _____ .</p>	 <p>Mẹ ân cần chăm _____ bà.</p>
--	--



- **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **om ôm ơm.**

Chăm nom

-----  
-----  
-----

Tôm tép

=====

Nấm rơm

-----  
-----  
-----

Chim mẹ mớm mồi

-----  
-----  
-----  
-----  
-----

Sớm hôm mẹ chăm nom bà

-----  
-----  
-----  
-----  
=====

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Bà Bị Ốm".

Handwriting practice lines for the text "Bà Bị Ốm". Each line consists of a solid top line, a dashed middle line, and a solid bottom line. There are five such sets of lines provided for copying the text.

- **Vẽ:**

Bà em.

A large empty rectangular box for drawing a picture of "Bà em" (Grandmother).

Họ và tên học sinh : \_\_\_\_\_ Phụ huynh kiểm nhận : \_\_\_\_\_

## Bài Làm Ở Nhà # 7

### • **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Bàn Tay".
2. Bài hát: "Em Yêu Ai ?".

### • **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Bàn Tay" điền vào chỗ trống:

Mỗi bàn tay đều có năm . . . . . Ngón thì ngắn, . . . . . thì dài. Ví như anh em một nhà, có người . . . . . kẻ kém về tài năng. Nếu biết giúp đỡ và đoàn kết thì việc gì cũng xong. Anh em một nhà làm được như vậy mới là . . . . . ngoan.

### • **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Bàn Tay":

- |  |  |
|--|--|
| - Bàn tay có ngón ngắn,<br>ngón dài ví như | <input type="checkbox"/> Bạn bè cùng xóm.<br><input type="checkbox"/> anh em một nhà.<br><input type="checkbox"/> bạn học cùng trường.             |
| - Anh em biết đoàn kết thì                 | <input type="checkbox"/> không làm được việc.<br><input type="checkbox"/> làm việc gì cũng xong.<br><input type="checkbox"/> mọi việc đều dở dang. |
| - Anh em một nhà khôn<br>ngoan thì         | <input type="checkbox"/> không đoàn kết lại.<br><input type="checkbox"/> không giúp đỡ nhau.<br><input type="checkbox"/> đoàn kết và giúp đỡ nhau. |

• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

ngón tay cái. ....

con chồn .....  
.....

đội nón .....  
.....

cơm ngon .....  
.....

cao hơn .....  
.....

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Con \_\_\_\_\_ có đuôi dài.



Mai cao lớn \_\_\_\_\_ Tâm.

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **on ôn ƠN**.

Trộn gỏi

=====

Đĩa lớn

=====

Nho ngon

=====

Thịt bò bằm món

=====

=====

Trái cam tròn hơn trái lê

=====

=====

=====

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Bàn Tay".

Handwriting practice lines for the text "Chép lại bài tập đọc 'Bàn Tay'". The lines are organized into four sets, each consisting of a solid top line, a dashed middle line, and a solid bottom line.

- **Vẽ:**

Trái cam và trái lê.

A large, empty rounded rectangular box for drawing the fruit (orange and apple).

Họ và tên học sinh : \_\_\_\_\_ Phụ huynh kiểm nhận : \_\_\_\_\_

## Bài Làm Ở Nhà # 8

### • **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Mưa Lớn".
2. Tập đọc ôn trong cột có vần **oi ôi - ôm ơm - on ơn**.

### • **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Mưa Lớn" điền vào chỗ trống:

Hôm nay trời mưa . . . . . hơn mọi năm. Cả bầu . . . . . tối . . . . .  
 như ban đêm. Bắt đầu mưa rơi . . . . . rồi . . . . . như thác  
 đổ. Trẻ . . . . . sợ hãi sấm chớp.  
 Sau . . . . . mưa, cây cối như tắm gội sạch sẽ. Khí trời mát mẻ trở  
 lại.

### • **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Mưa Lớn":

- |                          |   |
|--------------------------|---|
| - Cả bầu trời tối om như | <input type="checkbox"/> ban ngày.<br><input type="checkbox"/> ban đêm.<br><input type="checkbox"/> nửa đêm.                              |
| - Trẻ con sợ hãi vì      | <input type="checkbox"/> mưa to gió lớn.<br><input type="checkbox"/> trời tối như ban đêm.<br><input type="checkbox"/> sấm chớp chói lòa. |
| - Sau cơn mưa            | <input type="checkbox"/> trời nóng bức.<br><input type="checkbox"/> trời lại tối.<br><input type="checkbox"/> trời mát trở lại.           |



### • **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

trời mưa. ....  
trời tối. ....  
con tôm. ....  
bơm xe đạp. ....  
nhớ ơn. ....

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>Nhớ _____ thầy cô dạy dỗ.</p>	 <p>_____ mưa sấm chớp.</p>
---	--



- **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **oi ôi ơ; om ôm ơm; on ôn.**

Sợi tóc

=====

Trái thơm

=====

Con tôm

=====

Tập nói ôn tồn

=====

=====

Hôm nay trời tối om

=====

=====

=====

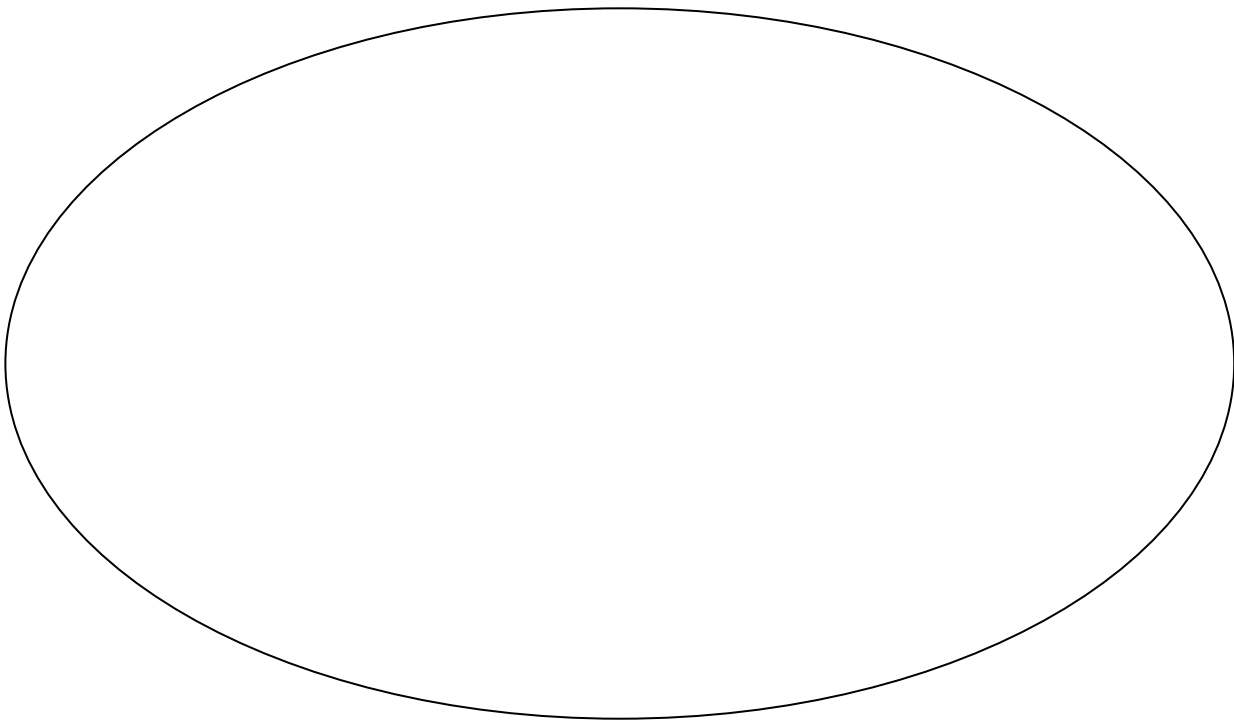
- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Mưa Lớn".

Handwriting practice lines consisting of five sets of three horizontal lines (top dashed, middle solid, bottom dashed) for copying the text.

- **Vẽ:**

Con tôm rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : \_\_\_\_\_ Phụ huynh kiểm nhận : \_\_\_\_\_

## Bài Làm Ở Nhà # 9

### • **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Sấm Chớp".
2. Học thuộc lòng: "Lớp Bốn".

### • **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Sấm Chớp" điền vào chỗ trống:

Trời mưa lớn, có sấm . . . . . Ở lớp học, em nghe mưa rơi . . . . .  
 . trên mái ngói. Mái ngói bị dột vì gió thổi quá mạnh. Cho nên có  
 vài . . . . học phải dời qua phòng khác.

### • **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng: "Lớp Bốn":

- |                      |   |
|----------------------|---|
| - Em đang học        | <input type="checkbox"/> lớp ba.<br><input type="checkbox"/> lớp bốn.<br><input type="checkbox"/> lớp năm.  |
| - Em làm bài         | <input type="checkbox"/> tại lớp.<br><input type="checkbox"/> tại nhà.<br><input type="checkbox"/> tại chợ. |
| - Em nộp bài làm cho | <input type="checkbox"/> bạn em.<br><input type="checkbox"/> cha mẹ.<br><input type="checkbox"/> cô giáo.   |

- **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

sấm chớp. ....

lộp độp. ....

bể lộp xe ....

lộp bốn. ....

góp bài. ....

con cộp ....

- **Tìm từ**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Hai con \_\_\_\_\_



Xe ba bị xẹp \_\_\_\_\_

- **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **op ôp ơp.**

Lớp học

=====

=====

Họp mặt

=====

=====

Nộp bài

=====

=====

Pháo nổ lớp bốp

=====

=====

=====

=====

Sấm chớp trên trời

=====

=====

=====

=====

=====

=====

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Sấm Chớp".

-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

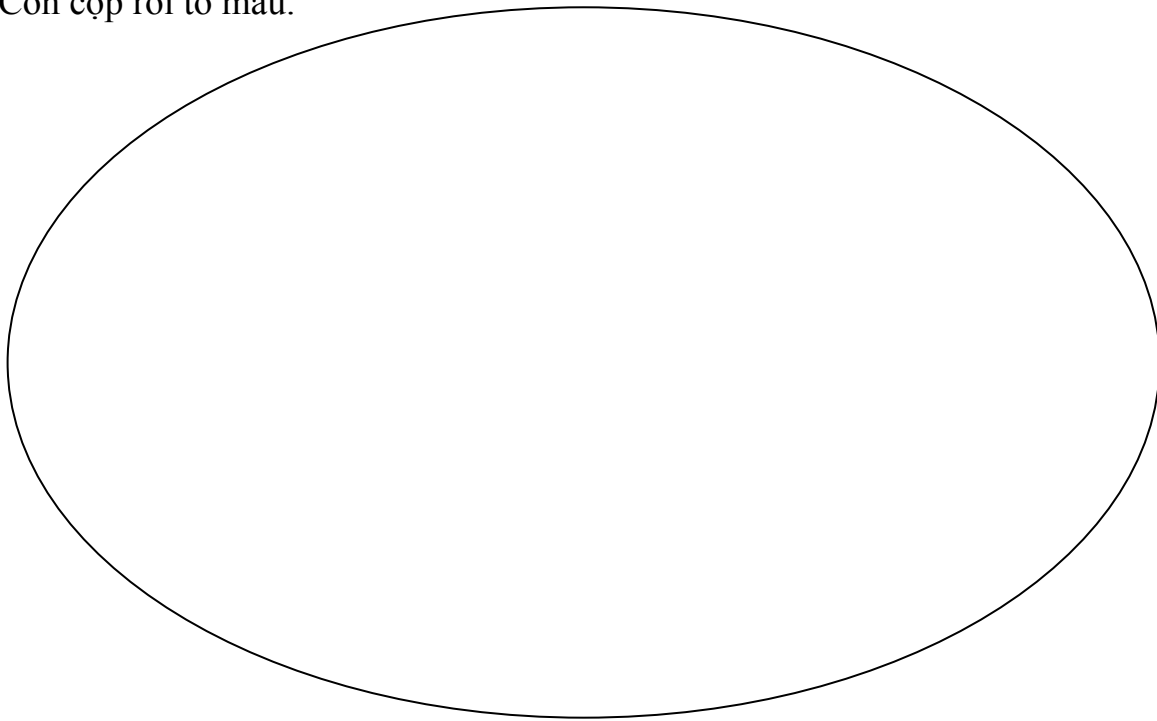
-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

- **Vẽ:**

Con cọp rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : \_\_\_\_\_ Phụ huynh kiểm nhận : \_\_\_\_\_

## Bài Làm Ở Nhà # 10

### • **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Vườn Sau".
2. Học thuộc lòng: "Bạn Tốt".

### • **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Vườn Sau" điền vào chỗ trống:

Vườn sau nhà em có chim hót . . . . . trên ngọn cây.  
 Có mấy dãy cà sai trái. Kia kia khóm cà . . . . coi đẹp mắt. Và đây  
 trái ớt chín đỏ thắm trên vại bụi . . . . xum xuê. Em chăm sóc vườn  
 sau mỗi khi tan học về nhà.

### • **Viết đúng chính tả.**

Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Vườn <u>xau</u> có <u>trim</u> hót. Và đây <u>dài</u> bụi <u>óc</u> . <u>Góc</u> chân bé đỏ <u>chóc</u> . Em nên <u>troi</u> bạn <u>tốt</u> . Ngọt bùi <u>tria</u> <u>xót</u> .	. .

## • Xếp câu.

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

1. trên ngọn cây      chót vót      Chim hót

-----  
-----  
-----

2. lá tả      rơi      Lá vàng


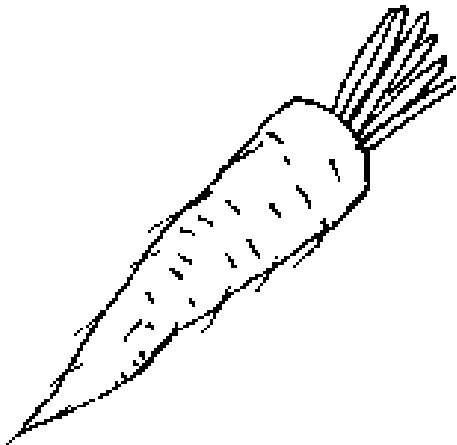
-----  
-----  
-----

3. được tốt      cho sức khỏe      Tập thể thao

-----  
-----  
-----

## • Tìm từ

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ

 <p>Chim hót thánh _____</p>	 <p>Củ cà _____ đỏ.</p>
---	---



- **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **ot ôt ơt.**

Cây ớt

-----  
-----  
-----

Bột gạo

-----  
-----  
-----

Chim hót

-----  
-----  
-----

Chùa một cột

-----  
-----  
-----  
-----  
-----  
-----

Hột ớt rất cay

-----  
-----  
-----  
-----  
-----  
-----  
=====

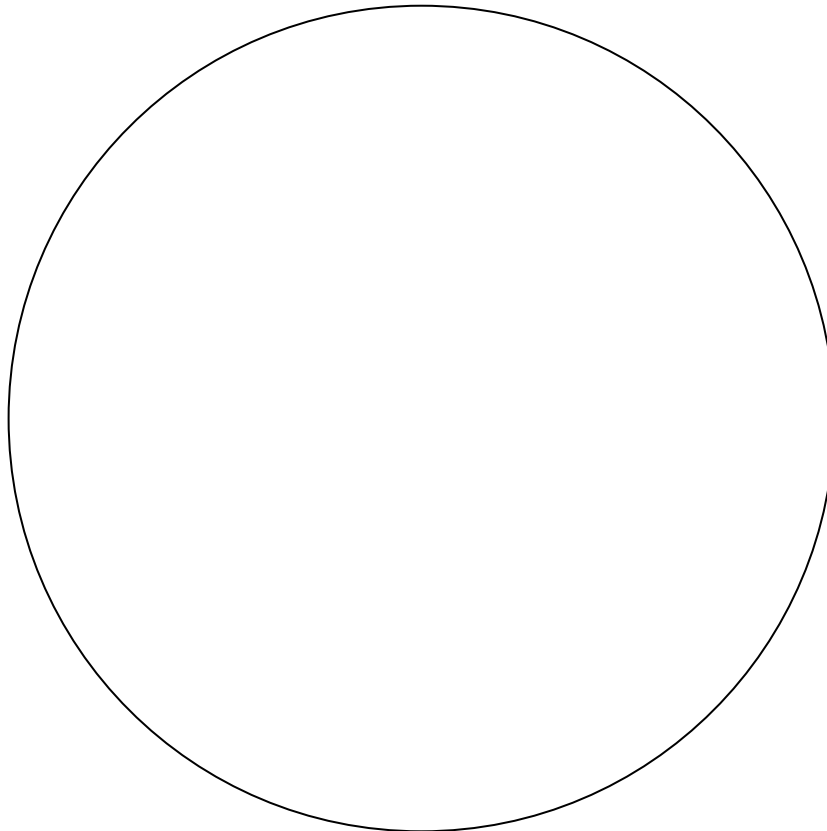
- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Vườn Sau".

Handwriting practice lines consisting of five sets of three horizontal lines (top solid, middle dashed, bottom solid).

- **Vẽ:**

Chim hót.



Họ và tên học sinh : \_\_\_\_\_ Phụ huynh kiểm nhận : \_\_\_\_\_

## **Bài Làm Ở Nhà # 11**

### • **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Phải Gắng Sức".
2. Bài hát: "Em Yêu Ai ?".

### • **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Phải Gắng Sức" điền vào chỗ trống:

Còn nhỏ tuổi, các em nên gắng . . . . học hành. Ngày qua đi rất mau. Khó lòng . . . . lại được thời gian đã mất. Vì vậy chớ có đua đòi, ham chơi phí cả . . . . lực. Hãy nhớ lại . . . . gương về thỏ và rùa. Thỏ chạy mau hơn rùa bò. Thế mà thỏ chạy thua . . . . vì thỏ không gắng . . . .

### • **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Phải Gắng Sức":

- |                        |  |
|------------------------|--|
| - Em là học sinh phải  | <input type="checkbox"/> ham chơi hơn học.<br><input type="checkbox"/> chơi cho hết ngày tháng.<br><input type="checkbox"/> chăm chỉ học và làm bài. |
| - Thời gian qua rồi    | <input type="checkbox"/> em mua lại dễ dàng.<br><input type="checkbox"/> em đem bán đi.<br><input type="checkbox"/> em không thể mua lại được.       |
| - Thỏ chạy thua rùa vì | <input type="checkbox"/> rùa bò chậm hơn thỏ.<br><input type="checkbox"/> thỏ chạy lẹ hơn rùa.<br><input type="checkbox"/> thỏ không gắng sức.       |


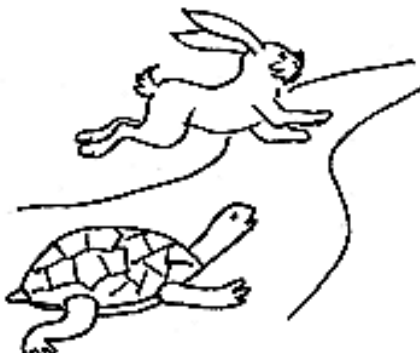
• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

cố sức . . . . .  
thức dậy . . . . .  
con rùa . . . . .  
trời mưa . . . . .  
gỗ mục . . . . .

• **Tìm từ**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ

 <p>Em gắ<u>ng</u> _____ học.</p>	 <p>Rùa thỏ chạy _____</p>
---	---

- **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **ua ưa uc ưc.**

Cây lúa

=====

Trời mưa

=====

Hoa cúc

=====

Thức dậy sớm

=====

=====

Em gắng sức học hành

=====

=====

=====

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Phải Gắng Sức".

-----  
-----  
-----

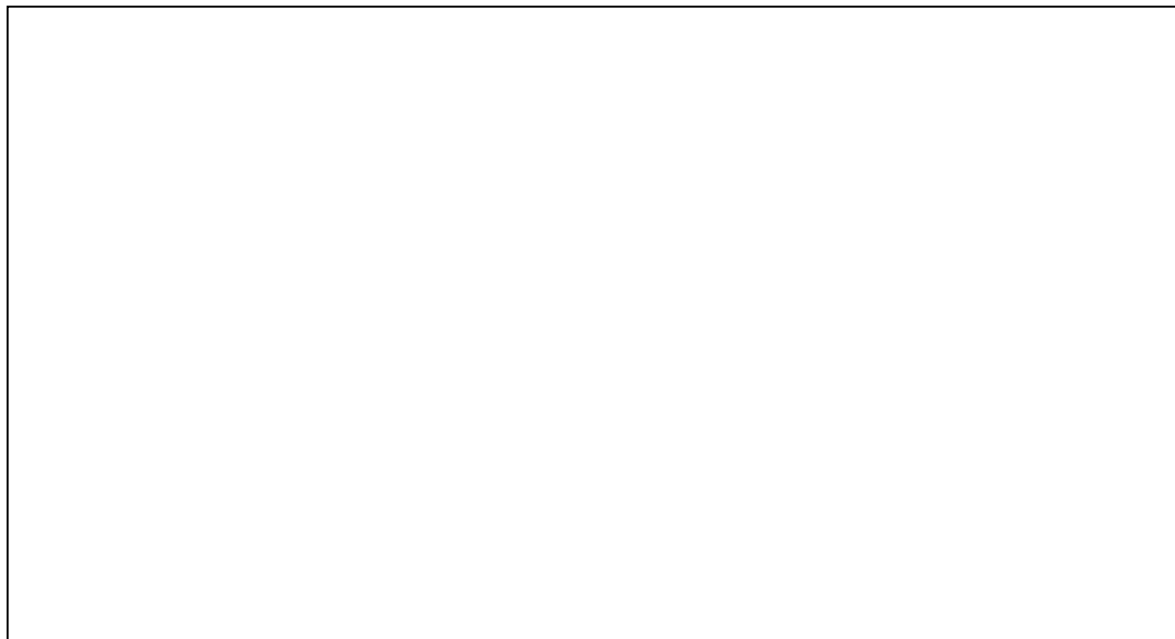
-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

- **Vẽ:**

Con rùa và con thỏ.



Họ và tên học sinh : \_\_\_\_\_ Phụ huynh kiểm nhận : \_\_\_\_\_

## Bài Làm Ở Nhà # 12

### • **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Đàn Chim Việt".
2. Tập đọc ôn trong những cột có vần **ôp ơp -- ot ôt -- ưa uc.**

### • **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Đàn Chim Việt" điền vào chỗ trống:

Các em học sinh ví như đàn chim nhỏ. Tất cả chăm chỉ tới . . . . .  
tập . . . . , tập viết và . . . . tiếng Việt Nam. Các em là nguồn . . . . ,  
hạnh phúc của . . . . cha. Thầy cô chia sẻ niềm vui . . . . quý này.  
Vào khóa học tới, thầy cô sẽ gặp lại các em thân mến.

### • **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Đàn Chim Việt":

- |                       |  |
|-----------------------|--|
| - Các em đến lớp      | <input type="checkbox"/> nô đùa.<br><input type="checkbox"/> cha mẹ vui.<br><input type="checkbox"/> tập đọc, tập viết, và học nói.        |
| - Ai làm cha mẹ vui ? | <input type="checkbox"/> đàn chim nhỏ.<br><input type="checkbox"/> thầy cô giáo.<br><input type="checkbox"/> các em học sinh.              |
| - Thầy cô giáo vui vì | <input type="checkbox"/> cha mẹ các em.<br><input type="checkbox"/> các em chăm chỉ học hành.<br><input type="checkbox"/> các em đua chơi. |

• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

lớp bốn. ....

thi đua học. ....

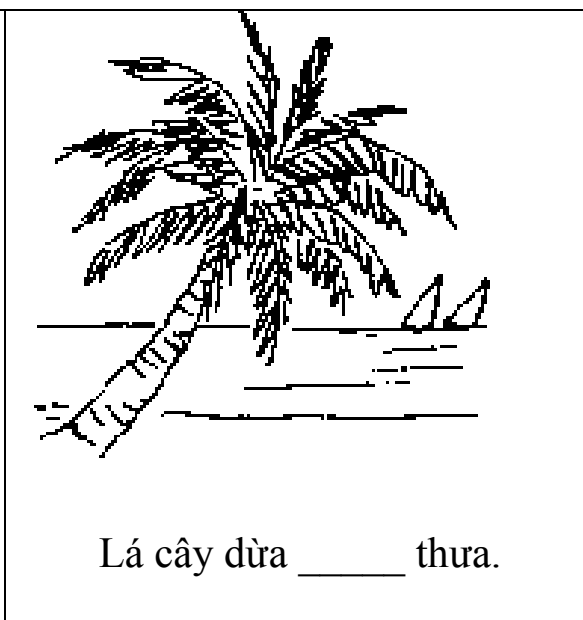
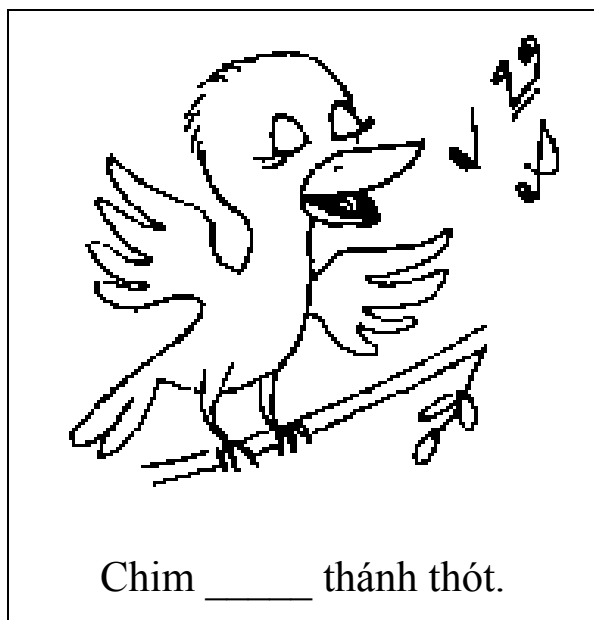
hột ớt. ....

bút mực đỏ. ....

bóp còi xe. ....

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.





- **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **ôp ot ôt; ua ư.**

Hộp phấn

=====

=====

Chim hót

=====

=====

Bạn tốt

=====

=====

Mưa rơi lộp độp.

=====

=====

=====

=====

Thỏ chạy thua rùa

=====

=====

=====

=====

=====

=====

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Đàn Chim Việt".

-----  
-----  
-----

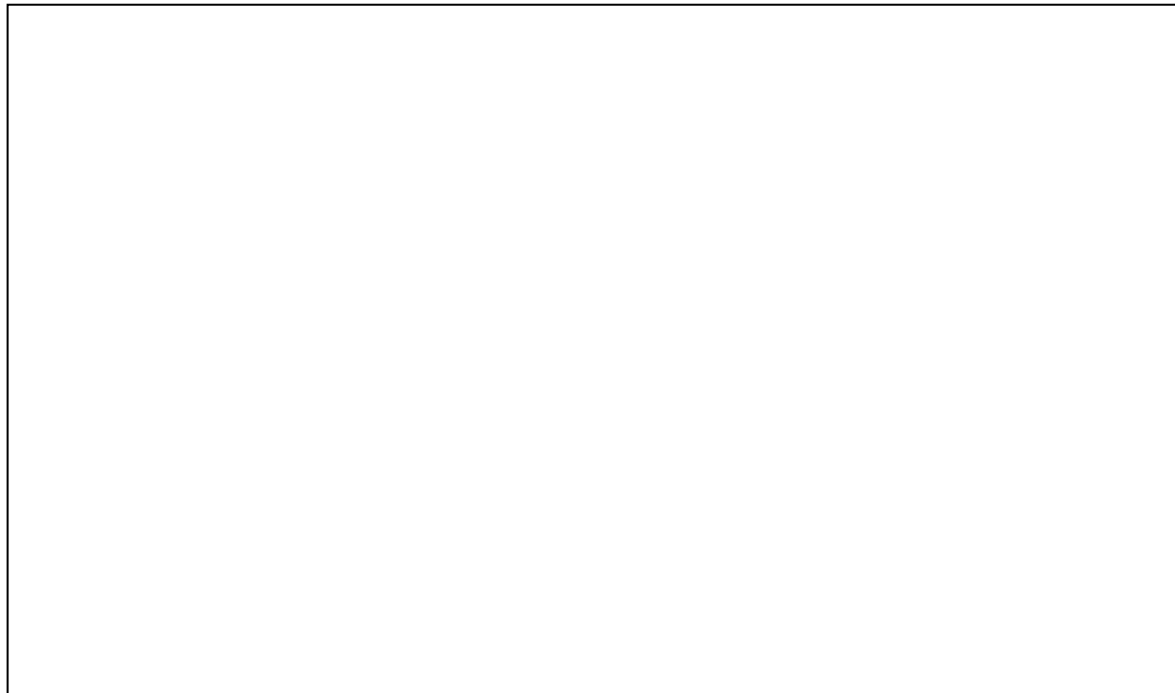
-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

- **Vẽ:**

Con rùa chạy đua với thỏ.



Họ và tên học sinh : \_\_\_\_\_ Phụ huynh kiểm nhận : \_\_\_\_\_

## **Bài Làm Ở Nhà # 13**

### **• Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Má Em".
2. Học thuộc lòng: "Gửi Thư".

### **• Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Má Em" điền vào chỗ trống:

Má em chịu khó làm việc. Ở sở về, má chăm nom nhà cửa. Má vui vẻ lau . . . . bàn ghế, giặt . . . . . áo quần. Trên bàn thờ tổ có bày hoa cúc, hoa . . . . . tiên.

Vào nhà, em . . . . . thấy mùi thơm ngát dễ chịu.

### **• Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng: "Gửi Thư":

- |                         |   |
|-------------------------|---|
| - Ba gửi thư thăm       | <input type="checkbox"/> má ở xa.<br><input type="checkbox"/> bé Thùy ở xa.<br><input type="checkbox"/> ông bà nội và ngoại.      |
| - Gia đình em đang      | <input type="checkbox"/> ở xa quê nhà.<br><input type="checkbox"/> ở gần quê nhà.<br><input type="checkbox"/> ở tại quê nhà.      |
| - Ba má nhận thư ông bà | <input type="checkbox"/> không vui mừng.<br><input type="checkbox"/> vui mừng ít.<br><input type="checkbox"/> vui mừng thiết tha. |

• **Đặt câu.**

Em đặt câu với các từ:

mũi người . . . . .

hút bụi . . . . .

vui vẻ . . . . .

giặt ủi . . . . .

lau chùi . . . . .

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Chú Duy hút \_\_\_\_\_



Ba \_\_\_\_\_ thư thăm bà.

• Tập viết.

Em tập viết từ có vần: **ui ưi uy.**

Mũi người

=====

=====

Bụi bặm

=====

=====

Giặt ủi

=====

=====

Duy đi gửi quà

=====

=====

=====

=====

Thúy rất vui vẻ

=====

=====

=====

=====

=====

=====

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Má Em".

Handwriting practice lines consisting of five sets of three horizontal lines (top solid, middle dashed, bottom solid).

- **Vẽ:**

Chậu hoa cúc.

A large, empty rounded rectangular box for drawing a flower pot.

Họ và tên học sinh : \_\_\_\_\_ Phụ huynh kiểm nhận : \_\_\_\_\_

## Bài Làm Ở Nhà # 14

### • **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Chú Lùn".
2. Học thuộc lòng: "Ở Quê".

### • **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Chú Lùn" điền vào chỗ trống:

Ở quê em có chú . . . . . làm nghề đồn củi. Tay cầm con dao cùn, chú chặt củi để . . . . . bếp. Tới bụi rậm rúi . . . . . , chú dẫm phải bùn sâu. Chân bị . . . . . tới đầu gối. Rút chân lên không được, chú kêu cứu . . . . . sùm.

### • **Viết đúng chính tả.**

Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Chú <u>lùng</u> dẫm bùn.	.....
Sáo sậu hay ăn <u>dun</u> .	.....
<u>Trùm</u> nho <u>trín</u> đỏ.	.....
Rau <u>quê</u> để ăn <u>phơ</u> .	.....
Bụi <u>óc</u> xum <u>xoe</u> .	.....

• **Trả lời.**

Em trả lời câu hỏi.

1. Em kể tên vài loại chim ăn giun ?

\_\_\_\_\_

2. Rau húng quế dùng để làm gì ?



\_\_\_\_\_

3. Um tùm và xum xuê có khác nghĩa nhau không ?

\_\_\_\_\_

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.

 <p>_____ nho chín đỏ.</p>	 <p>Sáo sậu ăn _____</p>
---	--



- **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **um un uê.**

Rét run

=====

=====

Làm giùm

=====

=====

Khai thuế

=====

=====

Bún bò Huế cay

=====

=====

=====

=====

Chú lùn kêu cứu um sùm

=====

=====

=====

=====

=====

=====

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Chú Lùn".

-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

- **Vẽ:**

Tô phở.



Họ và tên học sinh : \_\_\_\_\_ Phụ huynh kiểm nhận : \_\_\_\_\_

## **Bài Làm Ở Nhà # 15**

### • **Thâu băng cassette.**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Đi Cắm Trại".
2. Bài hát: "Thằng Cuội".

### • **Điền vào chỗ trống.**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Đi Cắm Trại" điền vào chỗ trống:

Em và các bạn cùng lớp đi cắm trại. Chủ Nhật vừa qua, chúng em nô nức trèo lên ngọn đồi xa . . . . . Cả lớp dựng được bốn túp lều . . . . .

Mai bị . . . . tay vì chặt củi . . . . bếp. Các bạn vui vẻ phụ nấu ăn. Bữa ăn trưa ở trại thật là . . . . .

### • **Chọn câu đúng nhất.**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc: "Đi Cắm Trại":

- |                |  |
|----------------|--|
| - Ngọn đồi xa  | <input type="checkbox"/> thật xa.<br><input type="checkbox"/> thăm thẳm.<br><input type="checkbox"/> hun hút.                |
| - Bốn túp lều  | <input type="checkbox"/> to cao.<br><input type="checkbox"/> cao đẹp.<br><input type="checkbox"/> lụp xụp.                   |
| - Bữa cơm trưa | <input type="checkbox"/> thật là đầy đủ.<br><input type="checkbox"/> thật đơn giản.<br><input type="checkbox"/> thật thú vị. |

• **Trả lời.**

Em trả lời câu hỏi.

1. Cả lớp đi cắm trại vào ngày nào ?

\_\_\_\_\_

2. Các em trèo lên ngọn đồi xa như thế nào ?

\_\_\_\_\_

3. Cả lớp dựng được mấy túp lều lụp xụp ?

\_\_\_\_\_

• **Tìm từ.**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Kẹo \_\_\_\_\_ ngày Tết.



Túp lều \_\_\_\_\_

- **Tập viết.**

Em tập viết từ có vần: **up ut, urt.**

Túp lều lụp xụp

=====

Mưa ngập lụt

=====

Nóng hè bức rút

=====

Chụp đèn búp sen

=====

=====

Dì Út hút bụi xe

=====

=====

=====

- **Chính tả.**

Chép lại bài tập đọc "Đi Cắm Trại".

-----  
-----  
-----

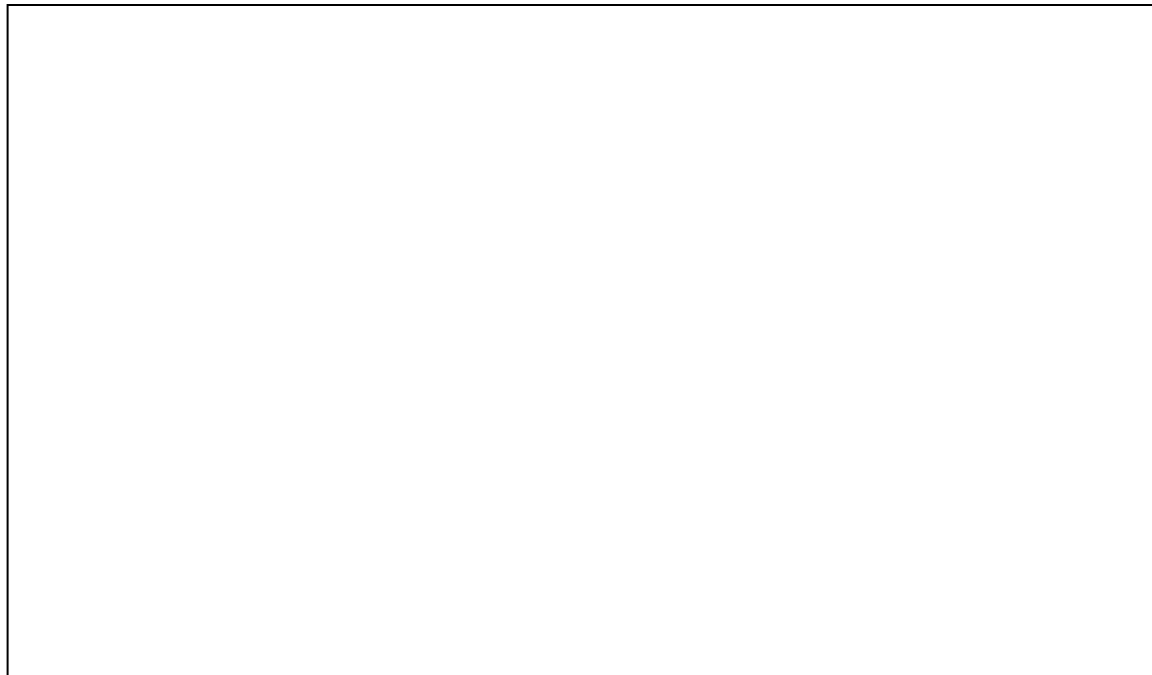
-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

-----  
-----  
-----

- **Vẽ:**

Ba túp lều.



Họ và tên học sinh : \_\_\_\_\_ Phụ huynh kiểm nhận : \_\_\_\_\_

## **Bài Làm Ở Nhà # 16**

- **Học ôn thi.**

Thầy cô hướng dẫn các em những bài đã học để ôn thi cuối khóa.



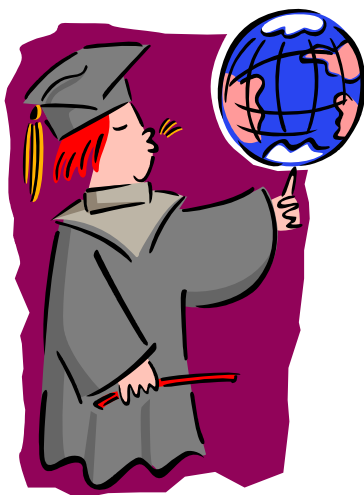
## Bài đọc thêm

### Sự Tích Trầu Cau

Đời Hùng Vương thứ 4, có hai anh em nhà họ Cao, giống nhau như đúc. Hai anh em rất thương mến nhau.

Đến khi người anh có vợ rồi, anh em cũng vẫn ở chung một nhà. Một hôm, hai anh em cùng nhau ra đồng làm việc. Người em về trước. Chị dâu tưởng chồng mình, vui vẻ ra đón, có chiều thân ái. Người em sợ anh mình về biết chuyện, bèn bỏ nhà ra đi. Tới bờ sông to, ngồi khóc rồi chết hóa ra hòn đá. Biết được tin người em bỏ đi, người anh vội đi tìm; đến bên hòn đá, khóc em rồi cũng chết, hóa ra cây cau. Người vợ nhớ chồng, đi tìm. Đến bờ sông ôm cây cau khóc thảm thiết, rồi ngất đi mà chết. Sau, hóa ra dây trầu leo lên thân cau.

Người trong vùng biết chuyện lập miếu thờ. Về sau, khi vua Hùng đi qua nghe thuật lại sự tích ấy rất cảm thương. Vua sai hái lá trầu nhai với quả cau thấy có vị thơm, nhổ lên hòn đá thấy màu đỏ thắm. Vua bèn truyền cho dân chúng dùng trầu cau trong việc cưới hỏi.





## Phần giải nghĩa các câu tục ngữ

- Bà**     **Nước chảy, đá mòn.**  
Dòng nước cứ chảy mãi trên đá, lâu ngày đá cũng phải mòn. Ý nói kiên nhẫn làm việc gì, lâu ngày cũng sẽ thành công.
- Bài 1**   **Ăn bát cơm dẻo, nhớ nẻo đường đi.**  
Ăn uống sung sướng thì phải cho khôn ngoan, biết nghe lời dạy bảo.
- Bài 2**   **Cái răng cái tóc là vóc con người.**  
Hàm răng và mái tóc là hai món chính làm tăng vẻ đẹp con người.
- Bài 3**   **Kiến tha lâu đầy tổ.**  
Kiên nhẫn làm mỗi khi một ít, lâu ngày sẽ thành công.
- Bài 4**   **Thương người như thể thương thân.**  
Yêu thương, lo lắng cho người khác giống như lo cho chính mình.
- Bài 5**   **Lá rụng về cội.**  
Con cái dù được ai nuôi dưỡng, lớn lên cũng muốn tìm về cha mẹ ruột, ông bà hay nguồn gốc, tổ tiên của mình.
- Bài 6**   **Sau cơn mưa trời lại nắng.**  
Hết loạn đến trị, hết nguy đến an. Sau một hồi xung đột, chùng biết ý nhau rồi hai đảng thân mật hơn trước.
- Bài 7**   **Con hơn cha là nhà có phúc.**  
Con mà làm nên hơn cha là hợp với lẽ tiến bộ của xã hội. Gia đình có phúc đức.
- Bài 8**   **Nước chảy đá mòn.**  
Đá dù cứng hơn nước, nhưng nước chảy lâu ngày đá cũng phải mòn. Con người bền chí làm một việc gì, lâu ngày sẽ thành công.
- Bài 9**   **Góp gió thành bão.**  
Thu nhặt mỗi ngày một ít, lâu ngày sẽ được một số lớn.
- Bài 10**   **Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.**  
Nên coi trọng cái thực chất bên trong, hơn là cái vỏ loè loẹt hào nhoáng bên ngoài.

**Bài 11 Có đức mặc sức mà ăn.**

Có phước đức do sự ăn ở hiền lành của mình hay của cha mẹ ông bà thì không lo nghèo đói, khổ sở.

**Bài 12 Của rề rề không bằng một nghề trong tay.**

Giàu có mà không làm ra thì lâu ngày cũng hết, không bằng có một nghề mỗi ngày đều làm ra không hết được.

**Bài 13 Miệng ăn núi lở.**

Ở không mà ăn xài, tiền của bao nhiêu cũng hết.

**Bài 14 Làm phúc được phúc.**

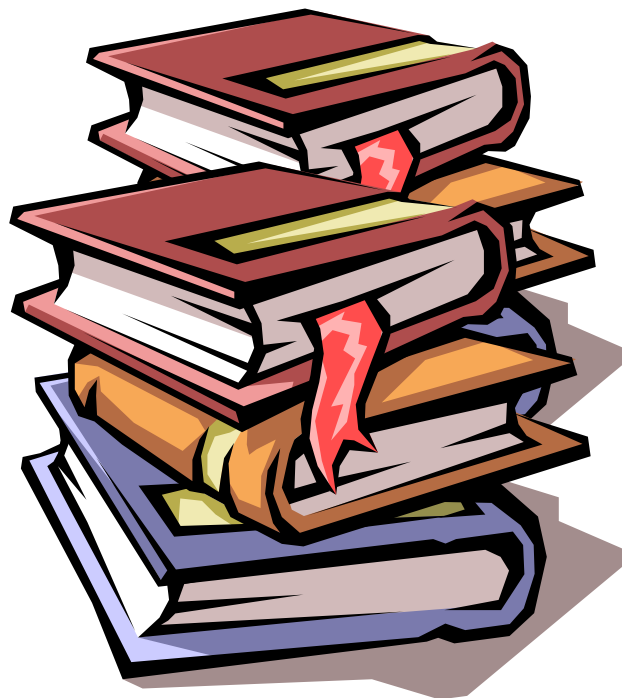
Làm ơn cho ai thì được người đó nhớ ơn và nhiều người khác cảm mến, có dịp là họ làm ơn lại cho mình ngay.

**Bài 15 Tay đứt ruột xót.**

Một người thân bị hại hay rủi ro mắc nạn, thì các người khác đều đau xót.

**Bài 16 Tiền rừng , bạc bể.**

Giàu có nhiều của cải, tài sản quý giá.



## Tài liệu tham khảo:

- **Việt Nam Tự Điển.**  
Hội Khai Trí Tiến Đức.
- **Việt Nam Tự Điển.**  
Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ.
- **Tự Điển Việt Nam.**  
Thanh Nghị.
- **Việt Nam Sử Lược.**  
Trần Trọng Kim.
- **Việt Sử Toàn Thư.**  
Phạm Văn Sơn.
- **Địa lí Việt Nam.**  
Nguyễn Khắc Ngữ.
- **Văn Việt Ngữ.**  
Bùi Văn Bảo.
- **Chữ Việt Học Mau.**  
Khuất Hữu Dũng - Thảo Bình.
- **Thơ Tuổi Thơ.**  
Nguyễn Hữu Bào.
- **Cẩm Nang Sư Phạm.**  
Các Trung Tâm Việt Ngữ Nam California.
- **Em Học Việt Ngữ.**  
Trung Tâm Giáo Dục Hồng Bàng.
- **Chúng Em Cùng Học.**  
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang.



# QUỐC CA VIỆT NAM CỘNG HOÀ

Lê Hữu Phước



Này Công Dân ơi Đứng lên đáp lời sông núi Đồng lòng cùng  
đi hy sinh tiếc gì thân sống. Vì tương lai Quốc dân, cùng  
xông pha khói tên, làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền. Dù  
cho thầy phơi trên gươm giáo, thù nước lấy máu đào đem  
báo Nòi giống lúc biến phải cần giải nguy, người Công Dân  
luôn vững bền tâm trí, hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi vang  
tiếng người nước Nam cho đến muôn đời Công Dân ơi! mau hiến thân dưới  
cờ Công Dân ơi Mau làm cho cỏi bờ, thoát cơn tàn phá, về  
vang nòi giống xứng danh nghìn năm giòng giống Lạc Hồng

# VĂN LANG HÀNH KHÚC

*Thượng Nhân*



Về Văn Lang ta vui chúng ta cùng quay về nguồn  
Lòng hằng say ta vui chúng ta cùng xây dựng đời



Về nơi đây hôm nay chúng ta cùng xây đời mới  
Rồi mai đây quê hương sẽ vang lòng thế hệ mới



Hãy cùng sánh vai Vì non sông góp công vì quê hương đầu  
Hướng về nước Nam Lòng ta luôn quyết tâm cùng nhau đi đắp



tranh Cho khắp nơi chan hoà mừng vui  
xây Cho khắp nơi reo mừng đoàn viên



Anh chị em hồi mau về đây ta cùng tỏ tấm lòng cho đời



sau Cho nước non mai này sẽ thanh bình nơi nơi  
Cho cháu con Tiên Rồng sẽ sống đời yên vui

# NGÔI TRƯỜNG VĂN LANG

*Thượng Nhân*

Nơi Văn Lang em vui học vui Em siêng  
 Nơi Văn Lang em luôn học chăm Em hăng  
 năng trau dồi tiếng Việt Em sẽ là học sinh gương  
 say đến trường mỗi tuần Em sẽ là trò ngoan trong  
 mẫu Cho xứng là giống giống Ròng Tiên  
 lớp Cho xứng lòng thương mến thầy cô  
 Em luôn luôn nghe theo thầy cô Chăm viết  
 chăm đánh vần chữ Việt Em sẽ thành một người hữu  
 ích Cho xứng là giống giống Việt Nam  
 Văn Lang ơi thầy cô yêu mến dạy cho em lễ  
 Văn Lang ơi trường em yêu dấu là nơi em ra  
 phép làm người. Em không quên những lời khuyên bảo  
 sức học hành. Em mong sao đến ngày khôn lớn  
 Để mai sau xứng thành người dân  
 Sẽ mang cống hiến về quê hương

# VIỆT NAM

*Phạm Duy*



Việt Nam Việt Nam nghe tự vào đời Việt Nam hai câu nói bên vành nôi Việt

Nam nước tôi Việt Nam Việt Nam tên gọi là người Việt Nam hai câu nói sau cùng đi lia

đời Việt Nam đây miền xinh tươi Việt Nam đem vào sông núi Tự do công bình báo ái muôn

đời Việt Nam không đời xương máu. Việt Nam kêu gọi thương nhau Việt Nam đi xây đắp yên vui dài

lâu Việt Nam trên đường tương lai lửa thiêng soi toàn thế giới. Việt Nam ta nguyện tranh đấu cho

đời. Tình yêu đây là khí giới. Tình thương đem về muôn nơi. Việt Nam đây tiếng nói đi xây tình

người... Việt Nam Việt Nam Việt Nam quê hương đất nước sáng

ngôi Việt Nam Việt Nam Việt Nam muôn đời

# VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG NGẠO NGHỀ

*Nguyễn Đức Quang*



1. Ta như nước dâng dâng tràn có bao giờ tàn. Đường dài ngút ngàn chỉ một trận cười vang  
2. Ta như giống dân di tràn trên lò lửa hồng. Mặt lạnh như đồng cùng nhìn về một xa  
vang. Lê sau bàn chân gông xiềng của thời xa xăm. Đôi mắt ta rực sáng theo nhịp xích kêu loang  
xăm. Da chan mồ hôi nhễ nhại cuộn vòng gân tươi. Ôm vết thương rỉ máu ta cười dưới ánh mặt  
xoang. Ta khua xích kêu vang dậy trước mặt mọi người. Nụ cười muôn đời là một nụ cười không  
trời. Ta khuyên cháu con ta còn tiếp tục làm người. Làm người huy hoàng phải chọn làm người dân  
tươi. Nụ cười xa vời nụ cười của lòng hồn sôi. Bước tiến ta tràn tới tung xiềng vào mặt nhân  
Nam. Làm người ngang tàng điểm mặt mây của trần gian. Hỡi những ai gục xuống ngai dậy hùng cường đi  
gian. ĐK. Máu ta từ thành Văn Lang dồn lại. Xương da thịt này cha ông  
lên.  
miệt mài Từng ngày qua, cười ngạo nghề đi trong đau nhức không người  
chúng ta thành một đoàn người hiên ngang trên bàn chông hát cười đùa  
vang vang. Còn Việt Nam triệu con tim này còn triệu khối kiên hùng (2. Ta như giống.....)